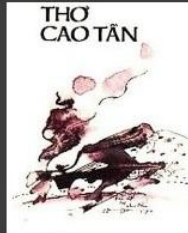


CAO TÂN



THƠ  
CAO  
TÂN

Tủ Sách T. Văn & Bạn Hữu  
2022



*Nếu mai một bỗng đôi đời phen nữa  
Ông anh hùng ông cứu được quê hương  
Ông sẽ mở ra nghìn lò cải tạo  
Lùa cả nước vào học tập yêu thương*

*Cuộc chiến cũ sẽ coi là tiền kiếp  
Phân động gì cũng chỉ sống trăm năm  
Bồ bịch hết không đũa nào là Ngụy  
Thắng vinh quang mà bại cũng anh hùng.*

**tv&bh**

CAO TÀN

# THƠ CAO TÀN

(và các bài nhận định về tập thơ  
của nhiều tác giả)

Trình Bày: T.Vấn

Tranh Bìa: Dật Dờ – Thanh Châu

Ấn Bản Điện Tử  
do  
T.Vấn & Bạn Hữu

Thực Hiện

©Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu 2022

©Cao Tàn 2022

**CAO TẦN**

# **THƠ CAO TẦN**

(và các bài nhận định về tập thơ  
của nhiều tác giả)



# MỤC LỤC

THAY LỜI TỰA  
002

PHẦN I  
THƠ CAO TÀN  
006

PHẦN II  
VIẾT VỀ THƠ CAO TÀN  
NHIỀU TÁC GIẢ  
036

### THAY LỜI TỰA

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, cuộc chiến gây nhiều tranh cãi nhất, nhiều hệ lụy nhất lịch sử Việt Nam đã kết thúc. Từ bấy đến nay, đã có nhiều những biến cố, những sự kiện không thể không nhớ đến mỗi khi có dịp nhắc lại một giai đoạn lịch sử nào đó của đất nước. Thí dụ như làn sóng người vượt biên, vượt biển những năm cuối 1970s và đầu 1980s. Hoặc các cao trào phục quốc của người Việt tị nạn hải ngoại vào những năm vừa được đặt chân đến bến bờ tự do. Hoặc cuộc lừa đảo không tiền khoáng hậu của chính quyền Cộng sản ngay sau khi chiếm được miền Nam, khiến hàng trăm ngàn quân nhân viên chức VNCH tự nguyện đem thân đi chịu giam cầm trong các trại tù cải tạo mà không biết ngày nào mới được thả về.

Cũng trong bối cảnh những năm tháng không quên ấy, có sự ra đời của một tác phẩm văn học, một tập thơ mang cái tên tác giả rất lạ, Cao Tàn, nhưng thực ra đó là bút danh mới của một nhà văn đã từng được biết đến rất nhiều từ trước năm 1975 ở miền Nam, Lê Tất Điều. Thế là cùng với thời điểm khó quên này, một tác phẩm văn học như tập thơ Cao Tàn, đã trở thành một sự kiện không thể không nhắc đến như chính thời điểm tác phẩm ra đời. Hơn thế nữa, nội dung của tập thơ là chính tâm tư, chính hình ảnh của cuộc sống

người Việt tị nạn được tác giả ghi lại thật rõ nét trong từng câu thơ, từng bài thơ. Và không có gì ngạc nhiên, tập thơ đã gây xao động một thời. Không chỉ một thời, mà nó vẫn còn được người Việt tị nạn nhắc lại mỗi khi có dịp ngẫm, nhìn quá khứ vài chục năm trước. Và vì thế, tác phẩm nghiêm nhiên xác định được chỗ đứng của mình trong lịch sử đất nước nói chung, ngoài chỗ đứng trong lịch sử văn học mà các nhà phê bình đã tốn nhiều giấy mực để bàn luận.

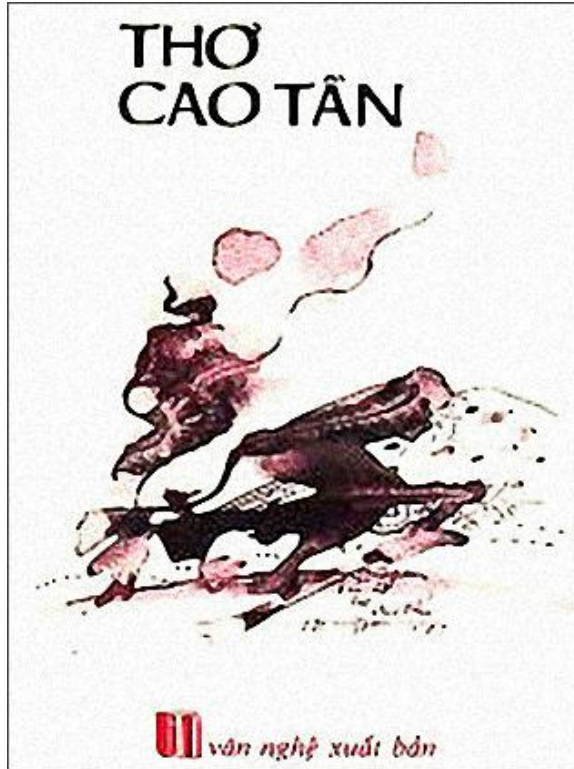
Nay, tác giả đang ở tuổi trên 80. Quỹ thời gian của ông chắc chẳng còn được bao lâu. Trong một dịp trò chuyện, chúng tôi có gợi ý về một ấn bản điện tử của tập thơ, kèm theo đó là những ý kiến bình luận khen chê của một thời, như một cách thu xếp gia tài chữ nghĩa để lại cho đời. Tác giả tập thơ nghe qua chắc cũng thấy hay hay, nên đồng ý. Ông gợi cho chúng tôi tập thơ mà ông đã xem lại từng câu chữ, từng ngày tháng được ghi cuối cùng. Bởi lẽ, mấy chục năm nay, tác phẩm đã thuộc về công chúng và khó mà tránh khỏi việc tam sao thất bản trong thế giới internet pha trộn giữa tuyệt vời và hỗn độn, giữa lợi ích và hủy hoại. Đây cũng là dịp ông làm công việc cần làm và cuối cùng của một tác giả với đứa con “lưu lạc” của mình.

Như đã nói ở trên, Phần I tập thơ Cao Tần là của chính tác giả gửi đến cho tủ sách TV&BH, nhưng phần II của tập thơ tập hợp những bài phê bình của nhiều tác giả trải dài hơn 40 năm nay là công việc chúng tôi tự nhận đảm trách. Thế giới ảo vốn vô cùng mênh mông, chúng tôi không quả quyết mình đã làm tròn, làm hết việc sưu tập, cũng như chúng tôi cũng không thể gửi thư xin phép các tác giả các bài viết được chúng tôi chọn đăng lại trong tập sách này, ngoài việc ghi rõ nguồn các bài viết được sử dụng nói trên. Nếu có bất cứ lời phàn nàn nào liên quan đến sự xuất hiện các bài viết phê bình tập thơ trong tập sách, chúng tôi xin nhận hoàn toàn trách nhiệm trước công chúng và các tác giả liên quan.

Tập sách này ra đời, chỉ để đánh dấu một giai đoạn lịch sử khó quên, đánh dấu một tác phẩm văn học gắn liền với giai đoạn lịch sử ấy; và xa hơn nữa, để giúp cho các thế hệ đời sau dễ dàng nhìn ngắm, đánh giá một cách công bằng các tiền nhân của họ chẳng may đã phải sống trong một thời đoạn đầy hệ lụy của lịch sử nước nhà.

**T.Vấn & Bạu Hữu**





*Bìa tập thơ Cao Tần xuất bản lần đầu tiên*

PHẦN I

THƠ CAO TÀN

## CHUYỆN THẦN TIÊN

*(Có bà tiên hiền hỏi chàng lưu lạc  
Con ước mơ chi cuối cuộc đời này?)*

Ta ước khi không bưng tỉnh giấc  
Thấy bình minh muộn nắng đầy hiên  
Một khung cửa sổ trời xanh ngắt  
Đầu sân xao xác tiếng chim quen

Đường phố ngát ngậy mùi bụi mới  
Những vòm cây biếc lá me tươi  
Quán cóc sở ta bè bạn đợi  
Tung bùng đầu hót những buồn vui

Chợt nhớ lại, ô đêm qua khiếp quá  
Mình đã mơ một giấc thật kinh hoàng  
Mơ thấy thành linh đất trời sụp đổ  
Dân mình tan tác, nước mình tan hoang...

Sẽ vội vã trên đường lao tới sở  
Nghe xôn xao tiếng Việt ở quanh mình  
Giữa phố bụi mù lại mơ cây cỏ  
Xanh khắp quê hương giấc mộng thanh bình

Ta muốn điều chi cuối đời luân lạc?  
Này bà tiên vừa hỏi giấc mơ ta  
“Hãy đem hết những đời đời tan tác  
Gói dùm vào con mộng dữ đêm qua”

## CHIỀU BÁT PHỐ

Chiều đi bát phố gặp toàn Tây  
Bỗng tiếc xưa không làm quen cả xóm  
Tự trách mình ngu hơn con cày  
Đáng kẹt lại cho thằng Cộng tóm

Bác xích lô mỗi sớm qua nhà  
Đầu óc như ta lo cơm lo áo  
Co căng cà phê quán cóc la cà  
Chửi bới lảng nhăng nội các anh Thiệu

Em điếm rẻ tiền hành nghề Gò Vấp  
Anh tìm vui hoang em hát Cải lương  
Ôm nhau dửng dưng, rời nhau hấp tấp  
Lòng vẫn chung mang nỗi sợ sa trường

Nhớ ông thầy tu nghiêm trang cúng lễ  
Ta ít khi lãng vãng vào chùa  
Sao cùng thấy đời sâu một bề  
Cùng tỉnh queo trước chuyện hơn thua.

Nhớ kẻ ngất ngư mình gặp ngoài phố  
Hai thằng lạ hoắc chẳng thềm ngó nhau  
Giờ nghĩ lại, ôi, như ta, nó khổ  
Cũng xây nhà trên cát nương dâu.

Giờ nghĩ thân ta chỉ còn có vợ  
Vợ trót bỏ quên bên kia bán cầu  
Ngày ngày phát phơ giữa rừng mũi lõ  
Tìm người tình Việt chưa biết tìm đâu

Chỉ gặp toàn Tây một chiều bát phở  
Tiếc sao xưa cả nước chẳng quen nhau  
Quen cả nước? Ra đường chào gãy cổ  
Và chắc gì nay nghĩ lại không sầu.

Nhưng quen cả nước chắc lòng sẽ nhẹ  
Khi đi có chào may bớt xót xa  
Ôi! Xóm xưa ơi, khi nào đổi kiếp  
Ta về thành chim hót trước hiên nhà

Tháng 2- 77

## CHỖ GIẤU KHO TÀNG

Sau một tuần ngát ngư lao động  
Thứ sáu anh thường thức trắng đêm  
Vì đêm anh, Sài Gòn đang sáng  
Đêm thao thức anh là ngày khốn khổ em

Ngày khốn khổ, thân em toi tả  
Gói nhọc nhằn trong biểu ngữ vinh quang  
Ta từng giàu lắm em nào biết  
Anh chỉ cho em đôi chỗ giấu kho tàng

Trong công viên xưa có chiếc ghé đá  
Giờ dầm mưa chiều hay tưới nắng mai?  
Ghé như gà, bên hàng thông, em nhớ?  
Ta bên nhau trên đó những ngày vui

Chiếc ghé từng nghe lá úa thở dài  
Nghe đôi cỏ mùa xuân cười rục rĩ  
Chia xẻ những buồn vui  
Suốt thời em bé nhỏ

Em hãy đến tìm ở nhà thờ đỏ  
Ngôi thánh đường gạch hồng như son  
Nơi ta thường quanh quẩn những hoàng hôn  
Tìm kỹ nhé: ngay sau cây Thánh giá

Em hãy tìm về sau căn nhà cũ  
Đứng bên rào mà ngó lại vườn xưa  
Em nhớ nhé: dưới tàn cây trứng cá  
Những trái mộng hồng trong ánh nắng sau  
mưa

Ở góc vườn còn một viên gạch vỡ  
Nơi nảy mầm hy vọng một giàn dưa  
Kín đáo nghe em, giờ nhà đôi chủ  
Nhưng kho tàng ta chắc còn nguyên đó

Đứng trước vườn xưa em hãy mỉm cười  
Dù môi buồn đã héo xanh thương nhớ  
Nuốt lệ thâm và cười cho tươi  
Như chiều xưa đón anh về hơn hờ

*(Kho tàng ta có một ông Thần  
Nụ cười em là câu Thần chú  
Thần chú đọc xong kho tàng sẽ mở)*

Kho tàng ta em yêu nhìn xem  
Dưới ghế công viên anh giấu thời thơ dại  
Trên tháp nhà thờ anh giấu niềm tin  
Trong vườn cũ anh giấu thời hạnh phúc  
Nơi nụ cười em anh giấu trái tim.

Hãy chia anh một nửa kho tàng  
Để cùng tiêu trong chuỗi ngày khôn khó

Thêm một lần thứ sáu trắng đêm  
Để hồn về một Sài Gòn đang sống  
Gỡ tuyệt vọng cửa thiên đường đã đóng  
Xin chia nhau ngày khôn khổ cùng em

Tháng 3-77



## **BÔNG GIẤY**

Tưởng ta nhớ chú lấm sao  
Này cây bông giấy bên rào năm xưa  
Chẳng qua trời đổ cơn mưa  
Thì thương cảnh mọn đong đưa một mình.

Tháng 12 – 77

## KỂ TRỞ VỀ

Thằng bạn đòi về trên tàu Thương Tín  
Hoan hô Đảng và tranh đấu rất chi  
Giờ được tin vui thầy Yên Bái  
Thôi, còn chê trách nó mà chi.

Nó tưởng được về hôn con, ôm vợ  
Bước rung rung trong những phố phường xưa  
Ôm vợ, hôn con, ngắm trời đất cũ  
Chỉ một lần thôi rồi tịch cũng vừa

Nhớ nó xưa chọc trời, xô núi  
Thân nam nhi ngang dọc cõi bờ  
Bỗng di tản ra thân lúi xúi  
Trong trại xếp hàng châu cơm như mơ

Trong trại sáng giật mình, hoảng hốt  
Đêm bụng đầy nhóc rượu tìm quên  
Gọi vợ trong mơ, nhắc con lúc thức  
Năm thì trần trọc, đứng thì điên

Nó quyết đòi về trên tàu Thương Tín  
Anh em xúm xít, khăn cổ can hoài  
Thằng bạn cười buồn, tác phong lính chiến:  
“Thôi coi đòi tao là con củ... khoai.”

Thấy nó lên tàu biết xong một kiếp  
Nhưng hy vọng hão cứ nguyện như thường  
Cầu nó bình an thấy con, thấy vợ.  
“Yếu như thằng này chắc đất trời thương.”

Nó bước xuống tàu giữa rừng cán bộ  
Về quê hương mà như lạc tinh cầu  
Rồi trôi giạt trên nghìn dặm khổ  
Rồi âm thầm đổ giữa rừng sâu.

Mày có linh thiêng qua đây tao cúng  
Một châu phim X một quả tẩm hơi  
Thiên đường mày hụi thì tao đang sống  
Cũng ngất ngư đòi như con củ khoai!

Tháng 2- 77

**TA LÀM GÌ  
CHO HẾT  
NỬA ĐỜI SAU?**

Dấm thăng khùng hạp nhau bàn chuyện lớn  
Gánh sơn hà toan chắt thử lên vai  
Chuyện binh lửa anh em chùng cũng ớn  
Dọn tinh thần: چرا نه ڈر با چاي

Rừng đất khách bạt ngàn màu áo trận  
Xong hiệp đầu mây núi đã băng khuâng  
Hào khí bốc đủ mười thành chất ngất  
Chuyện vá trời coi đã nhẹ như không

Một tráng sĩ vung ly cười ngạo mạn  
Nửa đời xưa ta trần thủ lưu đồn  
Nay đất khách kéo lê đời rất nản  
Ta tính sẽ về vượt suối trèo non...

Sẽ có lúc rừng sâu bùng chuyển động  
Những hùm thiêng cựa móng thét rung trời  
Và sông núi sẽ vượn mình trời dậy  
Và cò bay trên đất nước xinh tươi

Một tráng sĩ vô êm chùng sáu cõi  
Thần tự do giờ đứng ở nơi nào?  
Ta muốn đến leo lên làm đuốc mới  
Tự đốt mình cho lửa sáng xem sao...

Thần tự do giờ hoài cây đuốc lạnh  
Ta tiếc gì năm chục ký xương da  
Sẽ làm đuốc soi tìm trong đáy biển  
Những oan hồn ai bỏ giữa bao la...

Bình minh tới một chàng bưng tỉnh giấc  
Thấy chiến trường la liệt xác anh em  
Năm tráng sĩ bị mười chai quất gục  
Đòi tha hương coi bộ vẫn êm đêm

Sàn gác trọ những tâm hồn bão nổi  
Những hào hùng uất hận gói lên nhau  
Kẻ thức tỉnh ngu ngơ nhìn nắng mới:  
Ta làm gì cho hết nửa đời sau?

Tháng 3.1977

## TRÊN NON CAO

Ta biết nhà ông rầu thấy mờ  
Thôi cuối tuần này theo ta lên núi  
Lên thật cao nhìn xuống đời lô nhô  
Rũ bớt bụi trần, quên thân múa rối

Hơn mười năm nhà ông bay trên cao  
Mặt đất nâu xanh nằm ngoan dưới gót  
Nhân loại tí teo xinh đẹp chùng nào  
Nhân loại hiền từ như những con sâu

Những đêm đen tàu trôi qua thành phố  
Cả đất trời nở triệu ánh sao xinh  
Mặc những đấu tranh lọc lừa dưới đó  
Nhìn từ cao nhân thế thật thanh bình

Đời khôn kiếp quặng tìm ông xuống đất  
Bôi mặt nhà ông giống một tên hề  
Tên hề giấu trong kịch đời luân lạc  
Kịch như đời: nhạt nhẽo, lê thê.

Trên núi cao ta biết rành một chỗ  
Có hòn đá xanh có góc thông già  
Ngồi trên đá ông sẽ thành Trang Tử  
Hồn nhẹ tên theo bướm lượn chiều tà

Hãy tựa góc thông mà nhìn xuống thế  
Tưởng hôm nào ngất ngưỡng chín tầng mây  
Còn thương mãi một nhân gian nhỏ bé  
Có thể ôm tròn trong đôi cánh tay

Nhà ông khổ hơn người vì đôi cánh  
Những thình không bát ngát, những trời xa  
Này cánh đại bàng nhớ chân trời thăm  
Thôi cuối tuần này lên núi cùng ta.

Tháng 11-77

### MAI MỐT ANH VỀ

Mai mốt anh về có thằng túm hỏi  
Mày qua bên Mỹ học được củ gì  
Muốn biết tài nhau đưa ông cây chổi  
Nói mày hay ông thượng đẳng cu li

Ông rửa bát chì hơn bà nội trợ  
Ông quét nhà sạch hơn em bé ngoan  
Ngày ngày phóng xe như thằng phải gió  
Đêm về nằm vùi nước mắt chứa chan

Nghệ thuật nói bông hóa trò lao động  
Thằng nào nói nhiều thằng ấy tay to  
Tiếng mẹ thường chỉ dùng chữ đổng  
Hay những đêm sầu tí toáy làm thơ



Ông học được Mỹ đất trời bát ngát  
Nhưng tình người nhỏ hơn que tăm  
Nhiều đứa hồn nhiên giống bầy trẻ nít  
Còn hồn ông: già cóc cỡ nghìn năm

Bài học lớn từ khi đến Mỹ  
Là ngày đêm thương nước mệnh mang  
Thù hận bọn làm nước ông nghèo xí  
Hận gập nghìn lần khi chúng đánh ông vắng

Nếu mai một bỗng đổi đời phen nữa  
Ông anh hùng ông cứu được quê hương  
Ông sẽ mở ra nghìn lò cải tạo  
Lùa cả nước vào học tập yêu thương

Cuộc chiến cũ sẽ coi là tiền kiếp  
Phản động gì cũng chỉ sống trăm năm  
Bồ bịch hết không đứa nào là nguy  
Thắng vinh quang mà bại cũng anh hùng

Tháng 3- 77

## BIÊN CHIỀU

Chiều nay ra biển ngồi ngơ ngẩn  
Nhúng hai giò trong nước Thái bình Dương  
Để hơi ta giặt về bờ Ô Cấp  
Chạm thân ái vào lưng đất mẹ tang thương

Có bạn nào đang rấp tâm vượt thoát  
Nhớ rằng ta luôn cầu nguyện cho người  
Láng đời chót đã tan trên chiếu bạc  
Thì xá gì thêm một chuyến ra khơi

Thở thật dài vào thính không bát ngát  
Theo gió về động lá cánh rừng xa  
Này thẳng lì còn chơi miền gió cát  
Trong kiêu dũng mảy cho gửi chút hồn ta

Có thẳng bạn nào tàn đời học tập  
Cồng gông xiềng lê lét một thân đau  
Này biển chiều sóng xô ào lớp lớp  
Những tiếng đời tan nát khóc thương nhau.

Tháng 6 – 77

## CHÚ NÀO NGHE MÁI TÔN MƯA

Chú nào đi đường ta bình minh này  
Có nhớ chào dân xóm ta dậy sớm  
Có nghe thơm mùi bụi mới đầu ngày  
Cùng lá hoa tươi mừng nắng lớn.

Chú nào trưa nay ngồi trên đồi ta  
Thở gió thông khô quen từ kiếp trước  
Đếm nắng hoa sao nở đầy trên hồ  
Trưa thật tuyệt vời, đẹp hơn mơ ước

Chú nào ngồi hiên nhà ta chiều nay  
Nghe mưa Sài gòn rạt rào thơm mát  
Sau một ngày nắng loá chín tầng mây  
Những mái tôn mưa cười ran hạnh phúc

Chú có biết yêu thương vài nụ hồng  
Đã thấm tươi trên giàn che cổng gỗ  
Những giọt trong veo từ cõi vô cùng  
Vỗ rộn ràng vui trên từng lá nhỏ

Chú nào đêm nay kê đầu gối đó  
Thở hương nồng hạnh phúc đầm không gian  
Có biết nói nghìn năm sau vẫn nhớ  
Vẫn hai vai êm ấm mãi ơn nàng?

Tháng 12 - 77

## HÁT MỘT MÌNH

Hát tự nhiên đi mà bạn quý  
Giọng bạn khàn hơn chú vịt bầu  
Đừng e sẽ méch lòng tri kỷ  
Dù nghe bạn hát chỉ thêm đau

Hai thằng đã tính đời coi bỏ  
Hẹn vô sa mạc cụng vài ly  
Ngồi thiền lặng lẽ như cây cỏ  
Quyết lòng tịnh khẩu để nhâm nhi

Phương Nam bão cát lên như khói  
Núi trọc xa trông hèn hơn đồi  
Chiều mới vừa đây mà đã tối  
Thấy chẳng sa mạc rộng hơn trời?

Bạn bỗng kể: “Khi về gặp nàng,  
Có lúc du dương nàng bắt hát  
Dăm ba câu lãng mạn xì xằng  
Thế cũng dựng nên thời rất đẹp...”

Thời đẹp bây giờ là chiêm bao,  
Tình nàng bây giờ là kiếp trước  
Chiều nay hôn bạn bỗng xông xao  
Dăm tiếng ca xưa và muốn hát

Cứ hát, ta nghe mà, bạn quý  
Mai đời di tản lại buồn tênh  
Rời ra cặp đũa đào thơm Mỹ  
Bạn sẽ trăm năm hát một mình.

Tháng 10 – 77

## THƯ QUÊ HƯƠNG

Thư quê hương như tên hề ốm nặng  
Hồn tang thương sau mặt nạ tươi cười  
Son phấn hân hoan phủ nghìn cay đắng  
Mắt lệ đầy, miệng hát những lời vui...

Ta biết thư em vượt muôn cửa ải  
Mắt sà lạng soi nát cả linh hồn  
Em chẳng được khóc cùng ta bằng chữ  
Thì gửi chi dăm khâu hiệu buồn nôn!

Gửi cho anh vài sợi tóc mẹ già  
Rụng âm thầm trên hiên chiều hiu quạnh  
(Nuôi một bầy con cuối đời vẫn lạnh)  
Cho anh hôn ơn nặng một thời xa...

Anh muốn thở mùi nhọc nhằn nô lệ  
Gửi cho anh manh áo rách con thơ  
Con chào đời: ta rừng sâu lính trẻ  
Ta non cao, con tập nói u ơ...  
Giờ bước đầu đời chân non vấp ngã  
Muốn nâng con... nào biết có bao giờ.

Gửi cho anh viên sỏi nhỏ bên đường  
Anh sẽ đọc ra trăm nghìn lối cũ  
Gửi cho anh vài nhánh cỏ quê hương  
Anh sẽ đọc đất trời ta đã thở...

Và gửi cho anh một tờ giấy trắng  
Thấm nước trời quê qua mái dột đêm mưa  
Đề anh đọc: Mệnh mông đời lạnh vắng  
Em tiếc thương hoài ấm áp gói chẵn xưa...

Tháng 4 – 77

## CHÓN TẠM DUNG

Nhà tôi ở toòng teng đỉnh đồi  
Buổi mai đi làm thấy đời xuống dốc  
Sau lưng sương ngập cao lưng trời  
Trước mặt thông sâu reo đáy vực

Bắt đầu ngày bằng một chút vui  
Hát nghêu ngao trong lòng xe rỗng tuếch  
Bài ca quen bỗng chợt quên lời  
Chút kỷ niệm còn lại mát khơi khơi

Tiếng Việt trong ta ngày mỗi héo  
Hồn Việt trong ta ngày mỗi khô  
Dốc mở như đời ta trước mặt  
Sương kín như đời ta hôm xưa



Giang hồ một túi bài ca cũ  
Hát nhằm cho qua nốt tuổi già  
Qua những bình minh còn ngái ngủ  
Còn như chưa lạc mất quê ta

Giữa đỉnh sương mù thông đáy vực  
Trên đường chênh chếch nắng mênh mang  
Trôi xuôi một mảnh hồn lưu lạc  
Đã chán nhân gian ở cuối đường

Chiều về lên dốc thân tôi tả  
Một quả hoàng hôn đỏ kín trời  
Mình mới ngoi lên ngày đã ngã  
Đêm phờ lẩn lóc ngủ thay chơi

Giữa đỉnh sương mù thông đáy vực  
Ngược xuôi ngơ ngẩn một linh hồn  
Còng lưng gánh nốt đời lưu lạc  
Nặng trĩu nghìn cân nhớ nước non

Tháng 5 - 77

### GỬ XUÂN HIẾN

Đốt thế giới văn chương hào sảng ấy  
Gửi cho ông làm bạn cõi thiên đường  
Tôi chỉ giữ bên mình thanh kiếm gãy  
Lên núi ngồi vạch đất vẽ quê hương.

Tháng 10 – 82

### GỬ DUYÊN ANH

Gặp lại hôm qua chú học trò  
Còn nuôi con sáo bạn ta cho  
Ta mừng khoe chú bông Thiên Lý  
Rực rỡ huy hoàng như tuổi thơ.

## KHO TÀNG

Chàng cù lằn có cái túi nhỏ  
Suốt bốn mùa giấu giếm như điên  
Anh em sùng, nghĩ thằng này chơi khó  
Thủ cẳng tí tiền, len lén tiêu riêng

Hết chuyện chơi, một chiều đông lạnh cóng  
Đè thằng em ra cướp túi coi chơi  
Gác trọ rung rinh như thuyền biển động  
Thằng em kêu như sắp sửa xong đời

Miệng túi mở kho tàng rơi tung tóe  
Một lạng vàng trong giấy gói đơn sơ  
Một đũa hét: “Vàng này thằng em bé  
Không mại đi, mày tính để đem thờ?”

“Su chúng mày, vàng đem theo bốn cục  
Ông bán ba, bắt gọn mấy trăm đô  
Còn cục này tàn đời ông cóc bán  
Lúc lên đường bà cụ dú tay cho”

Một chiếc khăn tay cũ xì, cũ xịt  
Màu nâu già thêu mấy chữ xanh xanh  
“Giẻ rách gì đây hờ thằng chết tiệt?”  
“Khăn vợ trao ngày khoác áo nhà binh”

Đáy túi nhỏ thì đây danh thiếp cũ  
Những tên người tên tỉnh đã xa xưa  
Những dòng vội ghi hẹn hò gặp gỡ  
Những đường quen không trở lại bao giờ

Trả túi thằng em, cả bày bổng xê  
Cù lằn xấu hổ chửi như ca  
Cái túi nhỏ tưởng đầy lòng ti tiện  
Hoá đem theo muôn vạn mảnh quê nhà

Cù lằn dọa đêm nay đâm chết hết  
Ôi, ví dầu chú mở được tim anh  
Chú cũng thấy một kho tàng thắm thiết  
Vớ khăn tay nhàu nát chữ thêu xanh

Vớ danh thiếp những tên đường đã đổi  
Những số nhà chớp mắt bổng tang thương  
Những chốn hẹn nghìn năm không trở lại  
Những tên đòi toi tả khắp quê hương

Tháng 10-77

## ĐÓNG TÀU

Vách tàu dựng vút lên như núi  
Một bãi mênh mông sắt thép trùng trùng  
Hải âu lượn vòng, biển xanh phơi phới  
Hồn dấy vu vơ một chút hào hùng

Tay búa tay kìm thấy đời chắc nịch  
Sắt nâng hàng tấn linh hồn nhẹ tênh  
Mặt mũi lấm lem che đời bí mật  
Thần trí lang thang cuối bãi đầu ghềnh

Buổi trưa nghỉ nằm chơi trong thùng sắt  
Ngửa cổ coi trời thấy đúng một khung vuông  
A, khi không ta biến thành con ếch  
Đáy giếng sâu mơ mộng rất khiêm nhường

Con ếch không tin đất trời nhỏ bé  
Biết ngoài kia còn một cõi bao la  
Lẩn thẩn nghĩ về chuyện đời dâu bể  
Hay vợ vẫn chờ chút mây bay qua

Nhớ thơ Trường Anh thừa nào khoái đọc  
(Ông Trường Anh có lạc đến phương này?)  
“Tiền thân ta phải chăng là con cóc  
Thơ ghiến rằng trời chuyển bốn phương  
mây.”

Một năm nữa con tàu sẽ xuống nước  
Tháng ngày nào mới đi qua Biển Đông?  
Biển Đông giờ này bao thuyền hấp hối  
Ôi con tàu đến trễ cả nghìn năm

Lòng bắt đầu mơ những điều huyền hoặc  
Mơ con tàu cảm được những thương tâm  
Nghe được tiếng đàn bà con trẻ khóc  
Và xót xa như có một linh hồn

Tháng 11 - 82

## CẢM KHÁI

Trong ví ta này chúng chỉ tại ngũ  
Mất nước rồi còn hiệu lực hơi lâu  
Chiều lưu lạc chợt thương tờ giấy cũ  
Tái tê cười: giờ gia hạn nơi đâu?

Trong ví ta này một thẻ căn cước  
Hình chụp ngây ngô rất mực cù lần  
Da xám ngoét như bị đòi nhúng nước  
Má hóp vào như cả tháng không ăn

Mười tám tuổi thành công dân nước Việt  
Tên chụp hình làm ta xấu như ma  
Thằng khốn nạn làm sao mà nó biết  
Ta sẽ thành dân mất nước tan nhà!

Hai mươi tuổi ta đi làm chiến sĩ  
Bước giầy đinh lạng quạng một đời trai  
Vừa đánh giặc vừa lừng khùng triết lý  
Nhưng thằng này yêu nước chẳng thua ai...

Hình căn cước anh nào mà chẳng xấu  
Tên chụp hình như một lão tiên tri  
Triệu mặt ngây ngô bàng hoàng xốn xác  
Cùng đến một ngày gãy đổ phân ly

Nhìn hình chim in trên tờ chứng chỉ  
Chợt nhớ câu thơ: “Gãy cánh Đại Bàng...”  
Ngàn lăm liệt tan trong chiều rã ngũ  
Muôn anh hùng phút chốc hóa lang thang

Quanh mình xôn xao chuyện thay Quốc tịch  
Ngậm ngùi bày dăm giấy cũ coi chơi  
Thời cũ ố vàng, rách rời mấy mảnh  
Xót xa đau như mình bỗng qua đời.

Hỡi kẻ trong hình mặt xanh, mày xám  
Người sắp thành tên mọi Mỹ rồi ư  
Hỡi thằng chiến binh một đời dũng cảm  
Mày lang thang đất lạ đến bao giờ

Ôi trong ví mỗi người dân mất nước  
Còn một oan hồn mặt mũi ngu ngơ  
Ôi trong trí những anh hùng thưở trước  
Còn dậy trời lên những buổi tung cờ

Tháng 6 – 77



## HÁT NGAO TRÊN TUYẾT

Khoác áo lông xù giả làm tráng sĩ  
Lên dòng sông đá bước nghênh ngang  
Cây gậy trúc trông sắc mùi vũ khí  
Múa tung bùng vào thình không giá băng

Khoái thay đời ta một đời quái đản  
Hai mươi năm xưa làm thằng nhỏ di cư  
Hai mươi năm sau thành nhà thơ di tản  
Một đời quê hương khét mùi súng đạn  
Một đời xót xa bằng hữu lao tù

Khoái thay chân ta những chân phiêu bạt  
Đi dọc quê hương, đi vòng địa cầu  
Đi thênh thang thở đời cao gió mát  
Đi ngất ngậy thương lúa vàng, hương cau  
Đi hội trùng phùng, đi chia tan tác  
Đi tràn hạnh phúc, đi ngập thương đau  
Đi sỏi đá mềm, bếp hồng trước mặt  
Đi bùng bão biển, quê hương phía sau  
Những bước thú hoang lạc rừng đất lạ  
Những bước ngậm ngùi đi chẳng về đâu

Sông không đầu đuôi sông màu đá cục  
Dưới trên lẫn lộn, trời đất mang mang  
Ta ngựa cỏ làm thẳng khùng Bắc Cực  
Một mình cười cùng tỉnh không giá băng

Khoái thay hồn ta một hồn dị thường  
Khi bốc lên: núi lưng trời cũng thấp  
Khi bi ai: thân cỏ mọn bên đường

Sông dài! Sông dài! Ta đi chẳng hết  
Thân trượng phu, hừ, mục trong áo com?  
Núi cao! Núi cao! Ta về không đến  
Chí trượng phu, hừ, chôn trong giá băng?

Tháng 2 - 78



PHẦN II

ĐỌC THƠ CAO TẦN

## Nguyễn Mạnh Trinh

### Cao Tần, thơ người di tản buồn

Cao Tần Là một thi sĩ xuất hiện một cách bất ngờ trong thời điểm vô cùng đặc biệt. Lúc đó, là những năm đầu kế tiếp sau cuộc di tản của mấy trăm ngàn người Việt lưu lạc sang xứ người. Trong hoàn cảnh bắt đầu của một cuộc sống xa lạ, khởi đi từ những nỗi niềm mang theo, văn chương ở hải ngoại đã nảy mầm từ những tâm tư thương nhà nhớ nước của người Việt tị nạn sau một cuộc đổi đời. Cao Tần là một nhà thơ xuất hiện sớm nhất và cũng là một nhà thơ nổi bật nhất trong thời kỳ ấy. Vốn là một nhà văn đã thành danh ở Việt Nam và cũng là một ký giả có lối viết phiếm luận sắc bén, thơ Cao Tần đã được đề ý từ những bài thơ đầu tiên.

Năm 1977, gần hai năm sau ngày 30 tháng tư năm 1975, trên tờ báo Bút Lửa có đăng mấy bài thơ của một thi sĩ danh tánh lạ hoặc ký tên Cao Tần. Những bài thơ ấy mới xuất hiện đã nổi bật ngay và gây một hiện tượng xôn

xao cho độc giả. Nhiều người liên tưởng tới như những bài thơ của T.T Kh. đã tạo thành một nghi vấn cho văn học Việt Nam mà còn mù mờ chưa rõ ràng. Quả thực những bài thơ trên Bút Lửa ấy đã gây kinh ngạc cho độc giả. Mãi về sau này, mới biết Cao Tần là bút danh của nhà văn Lê Tất Điều hay nhà báo Kiều Phong, một người đã là một cây bút quen thuộc của hai mươi năm văn học miền Nam...

Ông sinh ngày 2 tháng 8 năm 1942 tại Hà Đông. Di cư vào Nam năm 1954 và di tản sang Mỹ năm 1975. Trước khi di tản ông là một nhà giáo và cũng là một ký giả ở Sài Gòn. Đã xuất bản truyện dài Đêm Dài Một Đời đã đoạt giải thưởng của Trung Tâm Văn Bút Việt Nam, và các tập truyện ngắn Khởi Hành, Kẻ Tình Nguyên, Quay Trong Gió Lốc, Phá Núi, Người Đi, Những Giọt Mực.

Lý do mà những bài thơ đầu tiên mang tên Cao Tần được chú ý thật là giản dị. Bởi tâm sự của Cao Tần khi làm thơ cũng là tâm trạng chung của những người Việt di tản lúc ấy. Với ngôn ngữ vừa bi hùng vừa tha thiết, diễn tả lại một tình trạng tâm lý của những người còn xa lạ với cuộc sống mới và tiếc nuối những tháng ngày của cuộc đời xưa cũ. Lúc ấy, một nền văn học lưu vong đang dần dần

hình thành. Ở những ngoài nhìn quá khứ và bản khoản từ những bước chân đi đến tương lai. Ai mà chẳng cùng chung suy tư và ở những câu thơ Cao Tần lại gọi lên từ tâm cảm yêu nước nhớ nhà và ngôn ngữ mẹ đẻ đã thành thân yêu vô cùng trong những ngày bắt đầu tạo dựng một cuộc sống mới ở xứ người.

Có lẽ hồi trước 1975, nhà văn Lê Tất Điều cũng không làm thơ và sau này khi loạt thơ Cao Tần chấm dứt ông cũng ngưng làm thơ. Tại sao ông chỉ làm thơ trong khoảng thời gian đó?

Có lẽ chỉ có một mình tác giả mới có thể trả lời câu hỏi khó này. Trong một cuộc phỏng vấn của đài phát thanh Á Châu Tự Do RFA do Mặc Lâm thực hiện thì ông giải thích:

“Tự nhiên tôi không có cảm hứng viết truyện ngắn nữa. Thế rồi thơ nó lôi cuốn bởi vì trong bài thơ công việc sáng tác nó ngắn hơn nó không đòi hỏi thời gian nhiều..”

Nhà văn Võ Phiến có viết đại ý là Cao Tần làm thơ như người kể chuyện và đó chính là một yếu tố để thơ ông gần gũi với cuộc sống hơn và tạo sự chú ý của độc giả.

Trong bài đề tựa tập thơ Cao Tần do nhà xuất bản Văn Nghệ phát hành, nhà văn Võ Phiến

nói rằng thơ của Cao Tần kết cấu như truyện và là những truyện ly kỳ nữa nên gọi được sự tò mò muốn tìm hiểu của người đọc. Và ông nêu ra vài thí dụ bài thơ Kho tàng kể về chuyện của một anh chàng tị nạn Cù Lân.

Nội dung của bài thơ cũng chỉ là một anh chàng tị nạn lúc nào cũng kè kè bên mình một cái túi không một phút nào rời xa. Bạn bè tưởng là anh chàng biển lận nên đề anh ta xuống để mở cái túi bí mật kia ra. Và cũng chẳng có gì ngoài một lạng vàng, chiếc khăn tay và những danh thiếp cũ. Nhưng là cả một kho tàng của một người di tản và nhắc lại người và cảnh đã xa. Vàng thì nhắc đến người mẹ:

*“.. miêng túi mở ra kho tàng rơi tung toé  
một lạng vàng trong giấy gói đơn sơ  
một đĩa hét “vàng này thằng em bé  
không mại đi may tính để đem thờ  
“Sur chúng mày, vàng đem theo bốn cục  
ông bán ba, bắt gọn mấy trăm đô  
còn cục này tàn đời ông cóc bán  
lúc lên đường bà cụ dúi tay cho”*



*Còn khăn tay thì nhắc đến người vợ bây giờ  
đã xa cách ngàn trùng:*

*“ ..một chiếc khăn tay cũ xì cũ xịt*

*màu nâu già thêu mấy chữ xanh xanh*

*“ giẻ rách gì đây hử thằng chết tiệt*

*“ Khăn vợ tao trao ngày khoác áo nhà binh”*

*và những tấm danh thiếp, ôi những tấm giấy  
làm nhớ lại những tên đường những tên  
người đã vào xa xưa:*

*”đáy túi nhỏ thì đây danh thiếp cũ*

*những tên người tên tỉnh đã xa xưa*

*những dòng vội ghi hẹn hò gặp gỡ*

*những đường quen không trở lại bao giờ*

*...Vội danh thiếp những tên đường đã đổi*

*những số nhà chớp mắt đã tang thương*

*những chốn hẹn ngàn năm không trở lại*

*những tên đời toi tả khắp quê hương.”*

*Đọc xong bài thơ này chúng ta thấy thế nào?*

*Phải nói là rất xúc động anh Trinh à! Nhưng  
có khi chỉ cảm thấy thôi chứ diễn tả ra cái*

hay thế nào thì khó lắm. Phải có một lúc, đợi xúc cảm lắng xuống thì dễ dàng để thấy bài thơ này độc đáo ra sao..

Chúng tôi cũng như những độc giả khác, chỉ cảm thấy rung động thôi và cũng phải loay hoay suy nghĩ để may ra có thể tìm được những điều mà mình cho là tâm đắc và tuyệt diệu. Bài thơ sống động quá với những ngôn ngữ đòi thường mô tả những cuộc đối thoại chuyên chở được ý tình mà tác giả muốn đề cập đến. Có một chút điều cợt nhưng chỉ là cảm giác thoáng qua để thay vào đó là sự thương cảm. Chỉ một túi nhỏ tầm thường của người di tản vồn vện có thể mà sao lại coi như một kho tàng vô giá được? Bởi vì những vật thể này không còn đơn thuần là vật thể nữa mà nó chứa đựng cả một trời quê hương và nhắc lại những người thân đã xa và những nơi chốn đã khuất biệt. Câu chuyện kể bằng thơ chỉ giản dị như thế nhưng lại gây ra sự xúc động đến vô bờ cho người đọc. Bởi nó đánh động đến tâm sự chung nên đây áp những chia sẻ...

Một bài thơ khác mà nhà văn Võ Phiến nhắc đến như một bằng chứng đơn cử cho lập luận của mình. Như bài “Ta làm gì cho hết nửa đời sau”. Hình như đã có nhiều người lưu vong

thốt lên lời nói đó mỗi khi bị ray rứt vì chuyện nước chuyện non.

*“Dăm thằng khùng họp nhau bàn chuyện lớn  
gánh sơn hà toan chất thử lên vai  
chuyện binh lửa anh em chùng cũng ớn  
dọn tinh thần của nhẹ đỡ vài chai..”*

như trong một cơn đồng thiếp, một chàng hào hùng:

*“một tráng sĩ vung ly cười ngạo mạn  
nửa đời xưa ta trấn thủ lưu đồn  
nay đất khách léo lê đời rất nản  
ta tính sẽ về vượt suối trèo non  
sẽ có lúc rừng sâu bùng chuyển động  
những hùm thiêng của móng thét rung trời  
và sông núi sẽ vươn mình trỗi dậy  
và cò bay trên đất nước xinh tươi..”*

Và một chàng khác, thì lại muốn làm tượng thần tự do hóa thiêu thân xác chính mình để làm đuốc soi đường cho những oan hồn bị trầm luân trong đáy nước bao la:

*"Một tráng sĩ vô êm chừng sáu cõi  
thần tự do giờ đứng ở nơi nào?  
Ta muốn đến leo lên làm đuốc mới  
Tự đốt mình cho lửa sáng xem sao  
Thần tự do giờ hoài cây đuốc lạnh  
Ta tiếc gì năm chục ký xương da  
Sẽ làm đuốc soi tìm trong đáy biển  
những oan hồn ai bỏ giữa bao la"*

Và kết cuộc, chỉ là một cơn say, một tình dẫy giữa nỗi buồn của những người thấy mình bất lực giữa thế thời, mộng ước lớn mà bàn tay thì quá nhỏ:

*"..sàn gác trọ những tâm hồn bão nổi  
Những hào hùng uất hận gói lên nhau  
Kẻ thức tỉnh ngu ngơ nhìn nắng mới  
Ta làm gì cho hết nửa đời sau."*

Thật là cảm khái. Thật là cay đắng với những nỗi niềm của những kẻ sinh bất phùng thời lớn lên và trưởng thành trong những nghiệt ngã của đất nước chiến tranh. Thực trạng sao buồn quá! Câu hỏi như một tiếng than...Ta

làm gì cho hết nửa đời sau?...Những thân phận lưu vong. Những nỗi niềm nhược tiểu.

Mỗi người tị nạn đều mang theo những kỷ niệm trong ký ức. Có những người vẫn còn vương vấn đến tận bây giờ. Có những buồn phiền, có những ray rứt. Nhà thơ Cao Tần có bài thơ nào diễn tả tâm trạng ấy trong nhiều bài thơ. Chúng ta thử đọc bài thơ Chôn Tạm Dung xem. Bản thân tôi đã sống ở đây ba chục năm, thế mà có lúc cũng có những nỗi niềm trông vắng như thế. Thơ nói lên tâm cảm của những người nhiều khi thấy mình bơ vơ giữa cuộc sống và kỷ niệm của nơi chốn xưa của đời sống cũ vẫn cứ bàng bạc hiện hữu:

*“nhà tôi ở toòng teng đỉnh đồi  
buổi mai đi làm thấy đời xuống dốc  
sau lưng sương ngập cao lưng trời  
trước mặt thông sâu reo đáy vực  
bắt đầu ngày bằng một chút vui  
hát nghêu ngao trong lòng xe rỗng tuếch  
bài ca quen bỗng chợt quên lời  
chút kỷ niệm còn lại mắt khơi khơi*

*tiếng Việt trong ta ngày bỗng héo*

*hồn Việt trong ta ngày mỗi khô*

*dốc mở như đời ta trước mặt*

*swong kín như đời ta năm xưa..”*

Một ngày qua một ngày. Ra đi khi lúc vừa mờ sáng và trở về khi phố đã lên đèn, khúc ca sầu xứ mãi mãi ám ảnh. Trải qua bao nhiêu cuộc đời. Bao nhiêu là nỗi muộn phiền, bao nhiêu là ray rứt. Người tị nạn có một mẫu số chung, của khởi hành đi vào cuộc đời mới với tất cả năng lực của mình nhưng vẫn canh cánh bên lòng nhớ mong về quê hương đất nước:

*“chiều về lên dốc thân tôi tả*

*một quả hoàng hôn đỏ kín trời*

*minh mới ngoi lên ngày đã ngã*

*đêm phờ lăn lóc ngủ thay chơi*

*giữa đỉnh swong mù thông đầy vực*

*ngược xuôi ngơ ngẩn một linh hồn*

*còng lưng gánh nốt đời lưu lạc*

*nặng trĩu nghìn cân nhớ nước non.”*

Cái độc đáo của thơ Cao Tần là dùng những ngôn từ thật sống động, những ngôn ngữ tạo nhiều hình ảnh như: “kỷ niệm còm”, như “quả hoàng hôn”, như “mắt khơi khơi”. Sử dụng những ngôn từ ấy thành thơ chính là một dụng công để thi ca có máu huyết xương thịt của đời sống thực, của suy nghĩ thực...

Người tị nạn tuy hội nhập vào dòng chính nhưng vẫn còn ám ảnh bởi quê hương cũ của đất nước xưa. Có một lúc nào thơ Cao Tần biểu lộ tâm cảm ấy.

Đọc bài thơ Cảm Khái chúng ta nhận ra ngay lập tức. Tấm thẻ căn cước, tờ chứng chỉ tại ngũ nhắc lại một thời xa xưa. Một cách hóm hỉnh pha lẫn đau xót, tác giả nhận thấy hình như những tấm hình trên căn cước đều lem nhem xấu xí, không biết có phải là số phận tiền định xui khiến như vậy:

*“hình căn cước anh nào mà chẳng xấu*

*tên chụp hình như một lão tiên tri*

*triệu mặt ngây ngô bâng hoàng xón xác*

*cùng đến một ngày gãy đổ phân ly*

*nhìn hình chim in trên tờ chứng chỉ*

*chợt nhớ câu thơ Gãy cánh đại bàng*

*ngàn lăm liệt tan trong chiều rã ngũ  
muôn anh hùng phút chốc hóa lang thang”*

và những câu cảm khái mà chúng ta trong  
những ngày lưu lạc thường hay thăm thía:

*“Hỡi kẻ trong hình mặt xanh mày xám  
ngươi sắp thành tên mọi Mỹ rồi ư  
hỡi thằng chiến binh một đời dững cảm  
mày lang thang đất lạ đến bao giờ  
Ôi trong ví mỗi người dân mất nước  
Còn một oan hồn mặt mũi ngu ngơ  
Ôi trong trí mỗi anh hùng thuở trước  
Còn dậy trời lên những buổi tung cờ.”*

Có người nhận xét rằng mỗi bài thơ của Cao  
Tần đều mang theo một thông điệp gửi gắm  
cho người cùng cảnh ngộ và gửi trả lại quê  
hương. Trong hai mươi bài của tập Thơ Cao  
Tần, hình như hầu hết các bài đều diễn tả  
được một tâm sự đặc thù của người bỏ xứ ra  
đi.

Thư Quê Hương là:

*“Gửi cho anh viên sỏi nhỏ bên đường*



*Anh sẽ đọc ra trăm nghìn lối cũ  
Gửi cho anh vài nhánh cỏ quê hương  
anh sẽ đọc đất trời ta đã thờ..”*

Chuyện Thần Tiên là:

*“Ta muốn điều chi cuối đời lưu lạc  
Này bà tiên vừa hỏi giấc mơ ta  
hãy đem hết những đổi đời tan tác  
gói giùm vào con mộng dữ đêm qua”*

Chiều Bát Phô là:

*“Chỉ gặp toàn Tây một chiều bát phô  
Tiếc sao xưa cả nước chẳng quen nhau  
Quen cả nước? Ra đường chào gẫy cổ  
Và chắc gì nay nghĩ lại không sầu  
Nhưng quen cả nước chắc lòng sẽ nhẹ  
Khi đi có chào may bớt xót xa  
Ơi xóm mưa ơi khi nào đổi kiếp  
Tôi về thành chim hót trước hiên nhà.”*

Mai Mốt Anh Về là:

*“nếu mai một bỗng đổi đời phen nữa  
Ông anh hùng ông cứu được quê hương  
Ông sẽ mở ra ngàn lò cái tạo  
Lùa cả nước vào học tập yêu thương  
Cuộc chiến cũ sẽ coi là tiền kiếp  
Phản động gì cũng chỉ sống trăm năm  
Bồ bịch hết không đũa nào là nguy  
Thắng vinh quang mà bại cũng anh hùng”*

Và còn nhiều bài thơ khác với những ý tưởng khác, thông điệp khác. Giở từng trang thơ, để thấy những ngôn ngữ linh hoạt, những chữ lóng, những ngôn từ dân giã, tất cả làm nổi bật một phong vị có lúc như diều cọt, có lúc như ngông nghênh, mà có lúc là tình cảnh “ở ngoài cười nụ ở trong khóc thầm”. Người tị nạn đã trải qua những đoạn đời, đã qua nhiều nghịch cảnh, sẽ thấy thấm thía biết bao nhiêu với tâm cảm người thơ. Nếu nói thơ Cao Tàn là biểu hiện sống động một thời kỳ của người Việt di tản đầu tiên thì cũng chưa đầy đủ mà phải nói rằng thơ Cao Tàn đã làm hồi sinh lại một thời đại văn học lưu vong ở hải ngoại.

*(Nguồn: luanhoan.net)*

## Nhà văn Lê Tất Điều và tập thơ Cao Tần

**Mặc Lâm, phóng viên đài RFA, phỏng vấn  
nhà văn Lê Tất Điều**

**(tức Cao Tần, tác giả tập thơ Cao Tần)**

*Từ khoảng 15, 16 tuổi tôi đã bắt đầu viết một số chuyện cho các báo hàng ngày như là viết "Mỗi ngày một chuyện" cho báo Ngôn Luận của ông Hồ Anh. Viết một số truyện cho bà Bút Trà trong phụ trương đặc biệt của báo Sài Gòn Mới.*

*Viết một cách nghiêm chỉnh là sau khi có một truyện ngắn đăng trên tạp chí Bách Khoa, sau đó có dịp gặp các nhà văn như là ông Võ Phiến, ông chủ nhiệm kiêm chủ bút tờ Bách Khoa là ông Lê Châu. Được sự khuyến khích của họ và bắt đầu quen thuộc với không khí văn chương, và lúc này là lúc bắt đầu vào khoảng 17, 18 tuổi gì đó...*

Quý vị vừa nghe một vài tự thuật của nhà văn Lê Tất Điều trong buổi đầu gia nhập làng báo. Ông nổi tiếng sau đó với nhiều tác phẩm văn chương qua nhiều thể loại, từ truyện ngắn đến tiểu thuyết. Truyện ngắn đầu tiên mang tên Cỏ Hoang được độc giả của báo Bách Khoa nồng nhiệt đón nhận đã tạo cơ hội cho ông chính thức bước vào giới văn chương Việt Nam mà lúc đó rất nhiều người mong ước. Tạp chí Bách Khoa có công phát hiện ra nhà văn Lê Tất Điều khi cho in tập truyện ngắn đầu tiên của ông:

*Tạp chí Bách Khoa có in cho tôi một tập truyện ngắn nhan đề là Khởi Hành. Lúc đó vào khoảng năm 1962-1963....*

*Kiều Phong xuất hiện vào năm 1969 tại Sài Gòn là bút hiệu chung của nhiều người viết trong mục "Vui buồn với bạn đọc" nơi một tờ báo do nhà thơ Trần Dạ Từ chủ trương. Kiều Phong, thật ra là tên của một nhân vật tiểu thuyết kiếm hiệp rất nổi tiếng trong tác phẩm Thiên Long Bát Bộ của nhà văn Kim Dung. Tính chất anh hùng, quân tử, ngang tàng của Kiều Phong đã ăn sâu vào hàng triệu tín đồ của tiểu thuyết Kim Dung và khi chọn bút hiệu này thì người viết đã chọn những đề tài nảy lửa, chống lại những bất công xã hội mà thời nào cũng có.*

Bút hiệu Kiều Phong thật ra xuất hiện trước ông Cao Tần rất nhiều. Tôi nhớ năm đó vào khoảng 1969....

Nhưng có lẽ được nhiều người biết hơn cả là tập thơ mang tên "Cao Tần" xuất hiện vào năm 1978. Tên của tập thơ cũng chính là một bút hiệu khác của Kiều Phong và Lê Tất Điều sau khi ông sang Hoa Kỳ vào thời gian đầu tiên của loạt người tỵ nạn tại Mỹ. Làm thơ có lẽ là một chọn lựa không mấy khó khăn đối với nhà văn Lê Tất Điều, ông kể lại:

*Tự nhiên tôi không có cảm hứng viết truyện ngắn nữa. Thế rồi thơ nó lôi cuốn, bởi vì trong bài thơ công việc sáng tác ngắn hơn không đòi hỏi thời gian nhiều...*

Tập thơ Cao Tần nhanh chóng được độc giả hải ngoại nồng nhiệt đón nhận vào những ngày đầu tiên của người Việt tha hương, đặc biệt là những người từng phục vụ trong quân đội. Trong Cao Tần, người đọc thấm thía nỗi buồn của những kẻ chiến bại. Tâm lý thua cuộc là một tâm lý bi thảm nhất sau chiến tranh. Nỗi buồn đeo đuổi như bị ma ám cộng với đời sống mới lạ lắm đã kéo người ta lại với nhau như một yếu tố khởi đầu của tính bầy đàn. Ngồi lại để chia sẻ mọi thứ, từ kỷ niệm cho đến buồn phiền. Từ đời sống

thường nhật bấp bênh cho đến những ước ao hoang tưởng.

Thơ Cao Tần được nhiều người đón nhận bởi ngôn ngữ của nó thể hiện hơn là những gì chứa đựng bên trong. Ngôn ngữ trong thơ Cao Tần mang đậm tính tự trào lại phảng phất nét quyến rũ của chất anh hùng ca từ nhân vật Kiều Phong mà tác giả đã có cơ hội nhiều năm tiếp xúc. Có lẽ sự hòa trộn giữa ngôn ngữ chất lọc thi ca và tính phán xét lạnh lùng, mạnh mẽ của loại văn chính luận đã khiến thơ Cao Tần có được sự hấp dẫn kín đáo nhưng ngấm ngấm dữ dội đã khiến người đọc khó thể bỏ qua khi đã đọc những dòng chữ đầu tiên:

***"Ta Làm Gì Cho Hết Nửa Đời Sau"***

*Dẫm thẳng khùng hạp nhau bàn chuyện lớn  
Gánh sơn hà toan chất thử lên vai  
Chuyện binh lửa anh em chùng cũng ớn  
Dọn tinh thần: cưa nhẹ đỡ ba chai*

*Rừng đất khách bạt ngàn màu áo trận  
Xong hiệp đầu mây núi đã băng khuâng  
Hào khí bốc đủ mười thành chất ngất  
Chuyện và trời coi đã nhẹ như không*

*Một tráng sĩ vung ly cười ngạo mạn  
Nửa đời xưa ta trấn thủ lưu đồn*

Nay đất khách kéo lê đời rất nản  
Ta tính sẽ về vượt suối trèo non...

Sẽ có lúc rừng sâu bùng chuyển động  
Những hùm thiêng cựa móng thét rung trời  
Và sông núi sẽ vươn mình trở dậy  
Và cò bay trên đất nước xinh tươi

Một tráng sĩ vô êm chùng sáu cõi  
Thần tự do giờ đứng ở nơi nào?  
Ta muốn đến leo lên làm đuốc mới  
Tự đốt mình cho lửa sáng xem sao...

Thần tự do giờ hoài cây đuốc lạnh  
Ta tiếc gì năm chục ký xương da  
Sẽ làm đuốc soi tìm trong đáy biển  
Những oan hồn ai bỏ giữa bao la...

Bình minh tới một chàng bưng tỉnh giấc  
Thấy chiến trường la liệt xác anh em  
Năm tráng sĩ bị mùi chai quất gục  
Đời tha hương coi bộ vẫn êm êm

Sàn gác trọ những tâm hồn bão nổi  
Những hào hùng uất hận gói lên nhau  
Kẻ thức tỉnh ngủ ngơ nhìn nắng mới:  
Ta làm gì cho hết nửa đời sau?

Nếu nói bài thơ này là đại diện cho thi pháp của toàn tập thơ Cao Tần thì cũng không là quá lời. Ở cái tựa, người đọc cảm thấy hình như chất cay đắng từ tâm hồn của chính mình tan vào bài thơ, và rồi bài thơ trở thành tấm kính vạn hoa luân chuyển, nhảy múa theo âm điệu; khi nhanh khi chậm của một tiệc rượu cuối tuần.

Mà không, dùng chữ "tiệc rượu" trong hoàn cảnh của bài thơ nghe ra sang trọng quá. Phải gọi là "nhậu" thì mới diễn tả chính xác cái sân khấu đời mà Cao Tần đang tả. Tấm kính vạn hoa đã phản chiếu số phận của những người ngồi quanh bàn nhậu phơi ra từng tâm trạng, từng ngữ điệu hay cử động trong mỗi vai diễn. Những nhân vật vừa là tráng sĩ vừa là dân thất nghiệp và cũng có khi vừa lãnh trợ cấp trong những ngày đầu nơi xứ lạ quê người. Nâng chai cũng như nâng tất cả xót xa và gắng gượng dùng những hình ảnh vĩ đại của nước Mỹ như tượng Nữ Thần Tự Do để dè bieu cho chính thân phận mình.

Từ bàn nhậu bước ra, nhân vật của Cao Tần tìm sự thanh thản ở thiên nhiên. Kết quả là thiên nhiên kéo nạn nhân trở về những hình ảnh mà họ muốn chôn vùi hay ít ra là muốn quên trong giấy lát:



*Ta đã vượt muôn dặm dài biển cả  
Đường tử sinh lui tới cũng đôi lần  
Bỗng bình minh này ngời thuyền, câu cá  
Trôi dạt dờ như lá trên hồ xanh*

*Hỡi chú cá rong chơi miền nước biếc*

*Ta vượt đường muôn dặm chẳng tìm nhau  
Bày đặt buông cần mà quên thương tiếc  
Cho đời êm, qua được mấy giờ đau*

Cao Tần có thành thơi hay không khi tìm thú vui mà người sống ở Mỹ thường có là thú đi câu? Nhà thơ đi câu với tâm trạng không mấy tin rằng mình sẽ hòa vào với thiên nhiên khi nghi ngờ rằng trò đi câu chỉ là bày đặt,

*Bày đặt buông cần mà quên thương tiếc  
Cho đời êm, qua được mấy giờ đau*

ngay cả cây cối cũng bị nhà thơ vục dật để mà tra vấn:

### **Câu Cá**

*Nói nghe coi này cổ thụ ven hồ  
Kể từ những trăm năm dài đứng đó  
Có gặp khi nào một kẻ xác xơ  
Lòng sâu hận hơn kiếp người da đỏ*

*Đời đang bão khi không chìm lặng ngắt  
Như cành khô nằm chết đáy sông sâu*

*Đời đang dậy sóng thân lên bát ngát  
Bỗng vui yên đáy biển một thân tàu*

*Và móc đời lên cần câu vớ vẩn  
Đem dìm chơi trong đáy nước rong rêu  
Tuổi chưa nặng hôn đã chùng ngư ngẩn  
Lòng vàng khô hơn chiếc lá đưa vèo?*

Cao Tần còn nhiều bài thơ tự vấn nữa nhưng tiếc rằng khuôn khổ thời gian của tạp chí không cho phép chúng tôi giới thiệu thêm. Có điều là đọc thơ Cao Tần người ta không cảm thấy nhưc đầu với những chữ những nghĩa rời rắm. Thơ Cao Tần vừa vui vừa buồn. Vừa tĩnh lặng như thiền sư vui tĩnh lại cũng đậm đặc chất hào sảng của những tâm hồn sương gió. Không nhưc đầu nhưng thơ Cao Tần gợi mở rất nhiều kỷ niệm. Mà kỷ niệm của những người xa xứ thì có được mấy niềm vui?

*(Nguồn: RFA)*

## Đặng Tiến

### Tính uy mua và nghệ thuật trong thơ Cao Tần

Uy mua là phiên âm chữ Pháp humour, tôi tìm không ra từ Việt tương đương, đại khái như là hóm hình, dí dỏm, hài hước, phúng thế, tếu, v.v. Đường như có lần Nhất Linh phiên âm thành u mặc.

Uy mua là hóm. Thêm cái ý: vượt lên trên những không may, vượt lên trên tai họa hay bị kịch. Không những lấy được khoảng cách, độ lùi, mà còn vượt lên trên. Uy mua là mình tự giấu mình, với giọng đùa cợt chứ không chua cay. Khi Cao Tần xưng ông, xưng “gây cánh đại bàng” thì không phải là kiêu, mà là hóm. Đại ngôn một chút: uy mua là hòa giải với số mệnh. Nếu cần thu thơ Cao Tần vào cái hồ lô, thì có thể hô lên một câu ngắn: hòa giải với số mệnh.

\*

Trong văn thơ Việt Nam ít có, nhưng vẫn có, uy mua. Ca dao có câu vô cùng tinh tế:

*Tưởng giếng sâu, anh (em) nổi sợi dây dài  
Ai ngờ giếng cạn, anh (em) tiếc hoài sợi dây  
Ở mức độ đơn giản hơn:*

*Chàng ơi đưa gói em mang  
Đưa grom em xách để chàng đi không  
Và dân già hơn nữa:*

*Trời mưa trời gió  
Xách đó đi đơm  
Chạy về ăn cơm  
Chạy ra mất đó*

(đó: dụng cụ để đơm, bắt cá bằng tre đan)

Câu vắn vè này không có nghĩa lý gì, và cũng không có giá trị gì, ngoài chất uy mua. Người không có óc uy mua sẽ cho là quê mùa, vớ vẩn. Nói lén: Xuân Diệu, sinh thời, là người sành và sành ca dao. Nhưng ít uy mua nên dứt khoát không chấp nhận câu:

*Xùng xình như áo mới may  
Hôm qua mới mặc, hôm nay mất rồi*

Võ Phiến là nhà văn giàu uy mua, lại là người sành thơ Cao Tần, là người viết tựa cho Cao Tần, năm 1978, có nhận xét “trong thơ Cao Tần thường ẩn hiện nụ cười, cười như người Việt Nam vẫn cười trong tận cùng cay đắng”. Nhưng anh không chính xác gọi nụ cười dân gian “tận cùng cay đắng” ấy là uy mua.

Trong văn thơ cổ điển, bài thơ tiêu biểu cho tính uy mua và đạt đến nghệ thuật siêu đẳng là bài “Bạn đến chơi nhà” của Nguyễn Khuyến, mượn lại ý thơ Nguyễn Bình Khiêm, bài “Gượng đến mừng nhau một mặt không”:

*Cải chữa ra cây, cà mới nụ*

*Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa*

Thơ Cao Tần hay, thành công nhanh và được yêu chuộng lâu dài, là nhờ vào nghệ thuật có nền truyền thống lâu đời. Chỉ mới sâu di tản không thôi, thì khó trụ được dài lâu và truyền tụng rộng rãi.

Những người di tản vào tháng 4-1975, ra đi hoảng hốt, thường không mang được hành trang gì. May ra còn giữ được đôi ba giấy má tùy thân. Quân nhân có khi còn giữ được trong người giấy tờ quân sự:

*1. Trong ví ta này chứng chỉ tại ngũ*

2. *Mắt nước rồi còn hiệu lực hơi lâu,*

3. *Chiều lưu lạc chợt thương tờ giấy cũ*

4. *Tái tê cười: giờ gia hạn nơi đâu?*

(Bài 17, tr. 52, «Cảm khái», tr. 39) [\[1\]](#)

Cao Tần dùng lời ăn tiếng nói dân gian “còn hơi lâu”, cũng như “còn lâu”, là từ ngữ phủ định dứt khoát: còn lâu tôi mới yêu anh, nghĩa là không bao giờ. Nhưng trớ trêu hiệu ngược lại, theo cú pháp bình thường cũng không sao, có thể còn lý thú: nước mắt rồi thì giấy tờ sẽ có hiệu lực vĩnh viễn.

Câu 2, bản chất nó là uy mua. Nhưng vì tính đa nghĩa, chất uy mua loãng đi. Uy mua ở đây là câu nói tự nhiên, không chơi chữ, không tu từ (nhưng ở nơi khác, như câu đối, thì uy mua dùng phép tu từ, kỹ thuật ngôn ngữ, cái này không loại trừ cái kia).

Câu 4 rõ chất uy mua: câu hỏi tự nhiên, cực kỳ duy lý. Vì cực kỳ duy lý mà nó ngớ ngẩn, thậm chí điển hình cho khái niệm phi lý (absurde) phổ biến trong triết học phương Tây khoảng giữa thế kỷ XX, du nhập vào Việt Nam, chủ yếu là qua tiểu luận và tiểu thuyết Camus. Nhưng điều này không can dự gì đến Cao Tần: uy mua của anh bắt nguồn từ tính dị dâm trong truyền thống dân tộc. Chúng ta ai

có dịp lân la trò chuyện với các bà cụ nhà quê, ít học hay thất học, sẽ ngạc nhiên về câu chuyện, ngôn ngữ cực kỳ sắc sảo, với những nét hóm hỉnh, tinh anh kỳ diệu của họ. Cao Tần sống thời đại mình, trong một bầu không khí văn hóa, văn học, một khung cảnh xã hội và trải qua một cuộc chấn động đời đời, thì tự nhiên tâm tư mang âm vang “phi lý” sẵn có trong tư trào hiện đại. Và tình cờ thôi, nét dí dỏm dân gian trong anh vấp phải cái phi lý của lịch sử – tạo chất uy mua nhuộm màu phi lý có giá trị không riêng gì cho người Việt di tản, lưu vong, mà cho cả làng văn học Việt Nam trong nền văn chương thế giới. Chiều kích nhân văn và toàn cầu của thơ Cao Tần, nếu có, trong chủ quan của tôi, là chất uy mua trong tư trào văn học đang giảm tính bi kịch và tăng chất uy mua.

«Giờ gia hạn nơi đâu» là một câu thơ hóm hỉnh có hiệu lực, nhưng tự thân nó không có chất hóm. Nét dí dỏm dựa vào cả câu thơ, trong cả đoạn 4 câu và toàn bài tả những giây tờ còn lại trong ví. Mệnh đề dẫn nhập là:

*Chiều lưu lạc chợt thương tờ giấy cũ*

*Tái tê cười...*

Động từ “cười” báo hiệu cho câu thơ tếu, dù tự thân chưa phải tếu vì chữ tái tê, nhưng đã

đưa tín hiệu uy mua, mà xưa kia Pascal gọi là “tiếng cười của tâm hồn” và gần đây Jankélévich gọi là “nụ cười của lý luận”. Hỏi gia hạn nơi đâu, lý sự thì lẩn thẩn mà đậm đà tình cảm vì đưa lên câu trước, ráp lại thành mất nước rồi... còn “gia hạn nơi đâu”. Câu thơ bi thiết đòi lại một không gian đã mất, cửa mạnh vào niềm “nhớ nước đau lòng con cuộc cuộc”.

Đoạn thơ sẽ tăng giá khi đặt vào toàn bài thơ:

*Trong ví ta này một thẻ căn cước*

*Hình chụp ngay đơ rất mực cù lần*

*Da nhọt nhọt như bị đời nhúng nước*

*Má hóp vào như cả tháng không ăn*

*Mười tám tuổi thành công dân nước Việt*

*Tên chụp hình làm ta xấu như ma*

*Thằng khôn nạn làm sao mà nó biết*

*Ta sẽ thành dân mất nước tan nhà (...)*

(Bài đã dẫn)

Mất nước tan nhà thì nào có can dự gì đến tên chụp hình mà chữ nó là «thằng khôn nạn». Đây là một lý luận hoàn toàn phi lý – mà



Camus gọi là *raisonnement absurde* – để đáp ứng vào một hoàn cảnh phi lý,

(...) *một đời quái đản:*

*Hai mươi năm xưa làm thằng nhỏ di cư*

*Hai mươi năm sau thành nhà thơ di tản*

(«Hát ngao trên tuyết», tr. 43)

Măng tên chụp hình là giống như Nguyễn Khuyển, giận tuổi già, măng cái răng, trong bài « Sắt xỉ ».

Cao Tần không làm thơ trào phúng như Tú Xương, nhưng cùng chia cái nông, cái «ông» với Tú Xương: «*Ông nốc rượu vào ông nói nông (... ) Khách hỏi nhà ông đến, nhà ông đã bán rồi...*»

Xuân Diệu có viết: “thực tình là tôi thấy những câu thơ xúc cảm của Tú Xương chiếm phần lớn nhất (...). Trào phúng là vỏ, mà ruột thì thật cảm xúc đốn đau, thì cũng thành trữ tình thôi”. Ý này áp dụng vào thơ uy mua của Cao Tần cũng đúng. Từ thế kỷ 19, các từ điển Littré và Larousse đã cho uy mua là “cái vui nghiêm trọng” (*la gaité serieuse*), Kierkegaard đi sâu hơn, cho là “nỗi thống khổ nội tại của nhân sinh”. Nhưng nói như thế thì hết cả... uy mua.

Giới làm văn học Việt Nam chưa mấy quan tâm vào phong cách uy mua, mà họ đồng hóa với trào phúng, dù rằng uy mua chỉ là thành tố nhỏ của trào phúng, có khi nó hủy diệt chất trào phúng; ngược lại trong văn chương bi kịch của Kafka, Beckett, Ionesco... thường có uy mua. Thơ Cao Tàn mang tính uy mua dân dã Việt Nam, trong truyền thống văn học dân gian: ca dao, tuồng chèo, câu đối – nhất là câu đối – và một số chuyện tiểu lâm cười mỉm. Đỉnh cao trong truyền thống đó là bài hát “Mất ô” của Trần Tế Xương, một đêm đi hát cô đầu:

*Hôm qua anh đến chơi đây*

*Giày dôn anh dận, ô tây anh cầm*

*Rạng này trông điếm canh năm*

*Anh dậy, em vẫn còn nằm trơ trơ*

*Hỏi ô, ô mất bao giờ*

*Hỏi em, em cứ ở không thưa*

*Chín e rày gió mai mưa*

*Lấy gì đi sớm về trưa với tình*

Mất ô mà vẫn thản nhiên, ởm ờ, thậm chí còn huê tình như thế, quả là uy mua tuyệt vời.

Cao Tần cũng có cái giọng ấy, khi nhắc đến những câu hát cũ còn đọng trong tim óc người xa xứ, thỉnh thoảng ê a bật lên môi, với bạn cũ hay với một mình:

*Hát tự nhiên đi mà bạn quý,*

*Giọng bạn khàn khàn hơn chú vịt bầu*

*Đừng e sẽ mất lòng tri kỷ,*

*Dù nghe bạn hát chỉ thêm đau*

*(...)*

*Bạn bỗng kể: khi về gặp nàng*

*Có lúc du dương nàng bắt hát*

*Cứ hát, ta nghe mà bạn quý*

*Mai đời di tản lại buồn tênh*

*Rồi ra cặp được đào thom Mỹ*

*Bạn sẽ trăm năm hát một mình*

(Bài 2, tr. 2, “Hát một mình”, tr. 29)

Uy mua ở đây do bất ngờ ở kết luận, như bài hát “Mất ô”, cả hai tác giả tinh quái đùa vui với một cảnh ngộ. Ở Tú Xương là nét dí dỏm nhẹ nhàng: mất ô này thì sắm ô khác, “lấy gì đi sớm về trưa với tình” là một lời trách khéo,

mắng yêu. Mắng mà vẫn yêu. Nhưng cái anh mất nước và mất vợ thì vô phương bù đắp. “Rồi ra cặp được đào thơm Mỹ” là một cơ may ngang trái, có khi là oan trái. Đào Mỹ nào mà chả thơm. Nhưng chả nhẽ trăm năm với nhau chỉ bằng cái lỗ mũi? Hát một mình tự nó có khi là niềm vui, là hạnh phúc. Nhưng ở đây là khổ lụy không có lối thoát. Cái mâu thuẫn mà Kierkegaard gọi là «niềm thống khổ nội tại của nhân sinh» ở đoạn trên, không phải là triết lý viễn vông.

Từ “đi sớm về trưa với tình” đến “trăm năm hát một mình”, Cao Tần theo gót Tú Xương và xứng là môn sinh. Vì vậy khi Cao Tần tự xưng là Nhà Thơ Di Tản thì tôi hoạn mất phần sau, gọi bạn là: Nhà Thơ Tú Cua.

\*

Hóm hỉnh với tấm hình căn cước của chính mình, hay với giọng hát vịt bầu của người bạn là tình nghịch với hoàn cảnh cá nhân; nhưng gắn liền với lịch sử đất nước, nên thơ Cao Tần có âm vang lâu và sâu, vừa tếu vừa mỉu. Chua mà ngọt, bụi bụi, đặng đặng.

Nhưng khi cao hứng, nhà thơ đùa cả nước:

*Bài học lớn từ khi đến Mỹ*

*Là ngày đêm thương nước mênh mang*

*Thù hận bọn làm nước ông nghèo xi  
Hận gáp nghìn lần khi chúng đánh ông vắng.  
Nếu mai một bổng đổi đời lần nữa  
Ông anh hùng ông cứu được quê hương  
Ông sẽ mở ra nghìn lò cải tạo  
Lùa cả nước vào học tập yêu thương  
Cuộc chiến cũ sẽ coi là tiền kiếp  
Phản động gì cũng chỉ sống trăm năm  
Bò bịch hết, không đũa nào là Ngụy,  
Thắng vinh quang mà bại cũng anh hùng*

(Bài 6, tr.18, “Bài học lớn”, tr. 26)

Uy mua là vượt lên khỏi thân phận, và hòa giải với mệnh số – ở đây là thân phận nghiệt ngã và mệnh số bi đát. Uy mua là tầm nhìn, lối nghĩ hiền triết vốn có trong tư tưởng phương Đông và truyền thống dân tộc. Cao Tần phát ngôn trong tư thế người bại trận, một chế độ bại trận, bị “đánh vắng“, mất hết tài sản, chức năng, quyền lợi. Thậm chí còn bị xúc phạm trầm trọng trong tình cảm và danh dự. Cao Tần không đầu hàng, không thỏa hiệp, không hận thù vì thua cuộc, bị

“đánh văng“, mà vì đất nước “nghèo xí“. Uy mua nơi Cao Tần bắt đầu từ lòng khoan thứ, ước ao mọi người đều bỏ bịch, cùng nhau học tập yêu thương. Tuy nhiên không phải ai ai cũng sẻ chia tấm lòng cao đẹp ấy, từ phía bên này đến phía bên kia, chưa kể là không phải ai ai cũng chấp nhận uy mua. Cuộc đời Nguyễn Trãi không biết bao nhiêu gian truân, mà đã viết được câu:

*Duy một tấm lòng ưu ái cũ*

*Đêm ngày cuộn cuộn nước triều đông...*

Trong bước đường lưu lạc, “ngày ngày phóng xe như thẳng phải gió, đêm về nằm vùi nước mắt chứa chan“ Cao Tần đã mất nhiều, nhưng không mất hết. Còn lại là phần nghĩa khí, cốt cách, khiến anh xứng đáng với tiền nhân.

\*

Uy mua là độ lùi, khoảng cách, tầm nhìn từ xa, từ cao. Cao Tần, trong ngành không quân, quen nhìn đời từ trên cao:

*Hơn mười năm nhà ông bay trên cao*

*Mặt đất nâu xanh nằm ngoan dưới gót*

*Nhân loại tí teo xinh đẹp chừng nào.*

*Nhân loại hiền từ như những con sâu.*

*Những đêm đen tàu trôi qua thành phố*

*Cả đất trời nở triệu ánh sao xinh*

*Mặc những đấu tranh lọc lừa dưới đố*

*Nhìn từ cao nhân thế thật thanh bình*

(Bài 16, tr.48. “Trên non cao”, tr. 23)

Không phải vì quen bay trên mây mà con người có óc uy mua.

Nhưng vì quen nhìn cao, nên khi bị «đời khôn kiếp đã quăng xuống đất», Cao Tần đã rủ bạn cùng đăng sơn:

*Ta biết nhà ông rầu thấy mờ*

*Thôi cuối tuần này theo ta lên núi*

*Lên thật cao nhìn xuống đời lô nhô*

*Rũ bớt bụi trần, quen thân mùa rổi*

*(...) Trên núi cao ta biết rành một chỗ*

*Có hòn đá xanh, có gốc thông già*

*Ngồi trên đá ông sẽ thành Trang Tử*

*Hồn nhẹ tênh theo bướm lượn chiều tà*

(Bài đã dẫn)

Văn Trang Tử, *Nam Hoa kinh* thanh thoát, cao siêu, có khi làm người đọc ít quan tâm đến phong cách uy mua: «nếu cánh tay trái ta hóa thành con gà thì nhân đấy ta gáy canh; nếu cánh tay phải ta hóa thành viên đạn, thì ta sẽ kiếm chim quay» (Thiên đại Tông sư).

Nhưng chỉ nói đến nét dí dỏm thôi thì không bày tỏ rõ ráo nghệ thuật trong thơ Cao Tần. Điểm chính là thi pháp huê dạng, đa dạng, pha tạp những câu đùa vui, những từ dung tục trong kho khẩu ngữ bình dân, phong cách «thô tháp» theo nghĩa grotesca hay grotesque của người Ý, Pháp, thịnh hành thời Phục Hưng.

Những câu dung tục xen vào nhiều hình ảnh tinh vi:

*Những mái tôn cười ran hạnh phúc*

Bài 14, “Bản khoán”, gồm 5 khổ, bắt đầu bằng một câu thơ nhiều âm bằng, na ná giống nhau, nhưng khác nhịp, người tinh ý mới nhận ra:

*Chú nào đi đường ta bình minh này*

(...) *Chú nào trưa nay ngòi trên đời ta*



*(...) Chú nào ngồi trước hiên ta chiều nay*

*(...) Chú nào biết yêu thương vài nụ hồng*

*(...) Chú nào đêm nay kê đầu gối đó.*

Chúng tôi Cao Tần nắm vững âm pháp và tôi luyện lời thơ kỹ lưỡng, có ý thức sâu sắc về kỹ thuật, tương quan giữa ý và lời.

Tiêu biểu nhất cho thi pháp Cao Tần là bài “Hát ngao trên tuyết” không có trong ấn bản đầu tiên. Chúng tôi trích toàn văn để người đọc thưởng lãm:

### **Hát ngao trên tuyết**

*Khoác áo lông xù giả làm tráng sĩ*

*Lên dòng sông đá bước nghênh ngang*

*Cây gậy trúc trông sặc mùi vũ khí*

*Múa tung bưng vào thỉnh không giá băng*

*Khoái thay đời ta một đời quái đản*

*Hai mươi năm xưa làm thằng nhỏ di cư*

*Hai mươi năm sau thành nhà thơ di tản*

*Một đời quê hương khét mùi súng đạn*

*Một đời xót xa bằng hữu lao tù*

*Khoái thay chân ta những chân phiêu bạt*

*Đi dọc quê hương đi vòng địa cầu*

*Đi thênh thang thở đời cao gió mát*

*Đi ngất ngây thương lúa vàng hương cau*

*Đi uống rượu mừng, đi chia tan tác*

*Đi tràn hạnh phúc, đi ngập thương đau*

*Đi sỏi đá mòn, bếp hồng trước mặt*

*Đi bình bão biển quê hương phía sau.*

*Những chân thú hoang lạc rừng đất lạ*

*Những bước ngậm ngùi đi chẳng về đâu*

*Sông không đầu đuôi sông màu đá cục*

*Dưới trên lẫn lộn trời đất mang mang*

*Ta giữa cỏ làm thằng khùng Bắc cực*

*Một mình cười cùng tinh không giá băng*

*Khoái thay hôn ta một hôn dị thường*

*Khi bóc lên núi lưng trời cũng thấp*

*Khi bi ai thân cỏ mọn bên đường*

*Sông dài! Sông dài! Ta đi chẳng hết*

*Thân trọng phu, hừ, mục trong áo cơm?*

*Núi cao! Núi cao! Ta về không đến*

*Chí trọng phu, hừ, chôn trong giá băng?*

### **Tháng 2/1978**

Quan điểm bài này vẫn là tầm nhìn cao trong không gian, xa trong thời gian; tác giả nhìn đời và nhìn mình từ xa, thanh thoát, thanh thoi, bao quát và bao dung. “Khoái thay” ở đây không phải là đặc chí tự mãn mà là niềm thanh thoát giải tỏa, hóa giải kiếp người “đi tràn hạnh phúc, đi ngập thương đau” để rồi “đi chẳng hết, về không đến”.

Khí thơ tuôn ào một mạch, như một dải sông Hoàng, mộng và thực xô đẩy nhau trong âm vang hào sảng, bi tráng, ngất ngất Hồ Trường, đậm đậm Thâm Tâm. Bài thơ vượt ra khỏi tâm sự cá nhân lưu vong, loang ra thành tiếng vang của một thời đại trong nhiều âm sắc, chính trị và văn hóa. Lịch sử, địa dư, phong tục, tự sự, tâm tình chen lẫn vào bản hào ca chất ngất chữ nghĩa, dạt dào nhạc điệu, trùng trùng hình ảnh.

Lối «hát ngao» hay cuồng ca này nằm trong truyền thống lâu đời ở phương Đông cũng như phương Tây. Trong văn học Lý Trần, Tuệ Trung Thượng Sĩ Trần Tung (1230-

1291) có bài “Phóng cuồng ngâm”, bản dịch Trúc Thiên 1969, có thể Cao Tần có biết. Cùng một hào khí khinh khoáng, cùng một “tay gậy nhớn như phương ngoài phương” nhưng thơ Cao Tần thực tế, dựa trên những hình ảnh cụ thể lấy ra từ những mảnh đời ly tán, từ quê hương xa cách, mang chất ngậm ngùi cảm động. Từ đó nó là khúc tráng ca tiêu biểu cho một thời đại, đồng thời nó đánh dấu một khúc quanh trong tâm thức Việt Nam. Bằng nghệ thuật – ở đây là thi ca và uy mua – con người có khả năng vượt qua thân phận phi lý, mà lịch sử oan nghiệt, như một đám cháy lớn, hoặc đã tạo ra, hoặc đã làm trầm trọng thêm, hoặc đã khơi động cho sáng tỏ hơn.

Nghệ thuật không chế ngự, không khắc phục được lịch sử, nhưng bảo vệ phẩm chất con người sau hố bom định mệnh; thậm chí nghệ thuật còn vượt lên, để tồn tại sau lịch sử. Lịch sử là sự việc đã, hay đang qua; nghệ thuật là tác phẩm còn lại, là tình đoàn kết và liên đới lâu dài của dân tộc, giữa con người trong nhân loại.

To tiếng như vậy, dù đúng dù sai, là cũng tàn mùa... uy mua, cùng với mùa rau muống năm nay.

Coi như vì tham chữ mà rách chuyện.

Vị chi là: câu thơ Cao Tần ba mươi năm rồi,  
tôi đọc vẫn chưa thông.

Viết xong, đọc lại bản thảo, mới nhận ra điều  
sơ đẳng: bút hiệu Cao Tần cũng là uy mua.

### **Đặng Tiên**

Orléans, 20/8/2006

---

[1] Thơ Cao Tần, bản 1978, do Tạp chí Bút Lửa và nxb Người Việt thực hiện, bìa do họa sĩ Nguyễn Văn Mịch, khổ nhỏ 10×17 cm, giấy màu hồng, in kiểu tiểu công nghiệp, 56 trang, gồm 17 bài thơ làm trong năm 1977, đã rải rác đăng trên báo Bút Lửa. Các bài thơ không có tên, chỉ đánh số từ 1 đến 17.

Sau đó, 1984, nhà Tin Yêu tại Seattle của nhóm Thanh Nam tái bản, khổ lớn 21×27 cm, Ngọc Dũng vẽ bìa, in đẹp, có lời giới thiệu của Võ Phiến viết tháng 1-1978. Những bài thơ lần này có tên và không theo trật tự lần trước. Và thêm 1 bài làm 1978 và 2 bài 1982. Tiểu luận này sử dụng bản 1978 ; khi trích dẫn ghi cả hai tham bản cho tiện việc đọc giả tra cứu.

Nguồn:

[http://www.art2all.net/tho/dangtien/dt\\_caotan](http://www.art2all.net/tho/dangtien/dt_caotan)

**Nam Chi**

**Độc thơ Cao Tần**

Bài này tôi viết cuối năm 1982, ký bút hiệu Nam Chi, cho báo *Đoàn Kết* là cơ quan của Hội Người Việt Nam tại Pháp, trong mục đích gần là thông tin, giới thiệu thơ Cao Tần với người đọc, dù chính kiến khác biệt, nhất là ở trong nước; mục đích xa là làm giảm bớt những hiềm khích, thời đó khá gay gắt giữa hai phía "quốc-cộng" hoặc "cách mạng-phản động". Bài viết rất nhanh, hoàn toàn do động cơ cá nhân, với sự thỏa thuận trước của tòa soạn, nhưng không tránh khỏi hạn chế về nội dung và hành văn. Nói chung bài báo được hoan nghênh và cũng khai thông được một số "bế tắc" nhỏ nhei, như tôi kỳ vọng.

Điều đáng tiếc là sau đó, trên báo *Sài Gòn Giải Phóng*, ngày 27/3/1983, dưới bút hiệu ký tắt VH – mà người đọc đoán biết dễ dàng là ai – có người đã lấy lại, viết lại mà thay đổi hẳn nội dung, với kết luận như sau: "*rải rác trong tập thơ, không ít chỗ chống đối sự nghiệp cách mạng của nhân dân, quay lưng với Tổ Quốc, nhưng trùm lên tất cả là một thực trạng. Thực trạng ấy chắc chắn không riêng của một Cao Tần*". Tác giả lại ghi: "*Theo Nam Chi – báo Đoàn Kết của Hội Người Việt Nam tại Pháp*". Sự thật thì tôi không hề viết và suy nghĩ như thế.

Ngoài ra, lúc đó Cao Tần không muốn tiết lộ tên thật là Lê Tất Điều, nên tôi xem như không biết. Nay ghi lại những điều này để đánh dấu một giai đoạn văn học và chính trị.

### ***Đặng Tiến*** **15-8-2006**

Cao Tần là một nhà thơ di tản, rời Việt Nam tháng Tư 1975, hiện sinh sống tại Hoa Kỳ. Tác phẩm *Thơ Cao Tần* <sup>[1]</sup> gồm mười bảy bài thơ, không đề, có đánh số, được nhiều người chú ý, vì nghệ thuật vững chãi, diễn tả được niềm khắc khoải của người dân xa xứ. Tập thơ thỉnh thoảng có đôi câu chống cộng, điều đó dễ giải thích trong hoàn cảnh di tản của

tác giả và của độc giả mà ông dự kiến. Tôi cần trình bày ngay điều đó để tránh mọi hiểu lầm từ mọi phía. Ở đây tôi chỉ ghi nhận tâm sự chua xót của người dân Việt Nam xa đất nước, còn chuyện chống cộng là của Cao Tần, tôi không bàn đến.

Tập thơ phác họa đầy đủ đời sống vật chất và tinh thần của người di tản, từ khi còn ở các trại tạm cư:

*Bông di tản ra thân lúi xúi  
Trong trại xếp hàng châu com như mơ*

Cho đến ngày tìm được công ăn việc làm bình thường:

*Mai một anh về có thằng túm hỏi  
Mày qua bên Mỹ học được củ gì  
Muốn biết tài nhau đưa ông cây chổi  
Nói mày hay ông thượng đẳng cu ly*

*Ông rửa bát chỉ hơn bà nội trợ  
Ông quét nhà sạch hơn em bé ngoan  
Ngày ngày phóng xe như thằng phải giò  
Đêm về nằm vùi nước mắt chứa chan...*

Việc lao động chân tay, ngoài xã hội và nhất là trong gia đình, không có gì đáng tức tưởi. Sở dĩ Cao Tần nước mắt chứa chan là vì



những lý do khác, nói chung vì cảnh sống hoàn toàn xa lạ, lạ cảnh, lạ người. Cuộc sống do đó, trở thành cạn hẹp nếu không phải là vô nghĩa:

*Chiều đi bát phở gặp toàn Tây  
Bỗng tiếc xưa không làm quen cả xóm (...)*

*Chi gặp toàn Tây một chiều bát phở  
Tiếc sao xưa cả nước chẳng quen nhau  
Quen cả nước? Ra đường chào gãy cổ  
Và chắc gì nay nghĩ lại không sâu.*

Về lý luận thì Cao Tần quả là lắm cảm. Ở Tây mà không gặp Tây thì gặp ai. Đòi quen cả nước Việt Nam thì quen sao được. Nhưng trong mỗi người Việt Nam xa xứ thỉnh thoảng vẫn có những cái lắm cảm như thế! Lăn lương Tây, ăn cơm Tây, mà gặp nhau thì cứ chửi "Tây ngu", "ngu như Tây". Cho hả lòng nhớ nước mà thôi. Cái lắm cảm nói được thành thơ, có phần cảm động của nó.

Cao Tần vẽ lại một ngày lao động của mình:

*Nhà tôi ở toàng teeng đỉnh đồi  
Buổi mai đi làm thấy đời xuống dốc  
Sau lưng sương ngập cao lưng trời  
Trước mặt thông sâu reo đay vực (...)*

*Tiếng Việt trong ta ngày mỗi héo  
Hồn Việt trong ta ngày mỗi khô  
Đốc mở ra như đời ta trước mặt  
Sương kín như đời ta hôm xưa (...)*

*Giữa đỉnh sương mù thông đáy vực  
Ngược xuôi ngơ ngẩn một linh hồn  
Còng lưng gánh nốt đời lưu lạc  
Nặng trĩu nghìn cân nhớ nước non.*

Trong làng văn, Cao Tần là một cái tên lạ. Nhưng người quen đọc thơ thì nhận ra bút pháp già dặn của một người có kinh nghiệm về ngôn ngữ. Đoạn trên cho thấy Cao Tần kết hợp rất khéo những hình ảnh ẩn dụ *sau lưng sương ngập, trước mắt thông sâu reo đáy vực, lối ví von bình dân đời xuống dốc*, những chữ thông thường *toòng teeng*, hình ảnh đơn giản *tiếng Việt héo, hồn Việt khô...* Sự điều chế ngôn ngữ ấy tạo cho toàn tập thơ Cao Tần cái khí hậu vừa lạ vừa thân: tác giả rất có ý thức về kỹ thuật và mục tiêu của mình. Và ông đã đạt mục tiêu đó.

Nỗi niềm xa xứ trong mỗi chúng ta là một tình cảm cụ thể, làm mình đau nhói. Nhưng nói ra, nó trở thành trừu tượng, chung chung. Cao Tần khéo léo đi từ những hoàn cảnh cụ thể, ví dụ như chuyện một người đi di tản ông đặt tên là *Cù Lân*:

*Chàng Cù Lân có cái túi nhỏ  
Suốt bốn mùa giấu giếm như điên  
Anh em sùng nghĩ thằng này chơi khó  
Thủ cẳng tí tiền len lén tiêu riêng.*

Một hôm, anh em bèn đê Cù Lân cướp túi coi chơi, thì khám phá ra một kho tàng vô giá:

*Một chiếc khăn tay cũ xì cũ xịt  
Màu nâu già thêu mấy chữ xanh xanh  
Giẻ rách gì đây hờ thằng chết tiệt?  
"Khăn vợ trao ngày khoác áo nhà banh".*

*Đáy túi nhỏ thì đầy danh thiếp cũ  
Những tên người tên tỉnh đã xa xưa  
Những dòng vôi ghi hẹn hò gặp gỡ  
Những đường quen không trở lại bao giờ.*

Khi nhắc đến tình cảm riêng, Cao Tần cũng biết chọn khung cảnh chung để người đọc có thể cùng rung cảm với ông. Nhớ bạn thì ông gọi ra một hình ảnh rộn rã:

*Quán cóc sở ta bạn bè đã đợi  
Rất tung bừng đấu hót những buồn vui*

Nhớ mẹ thì sâu lắng, kính cẩn:

*Gửi cho anh vài sợi tóc mẹ già  
Rụng âm thầm trên hiên chiều hiu quạnh*

Nhớ vợ thì thực tế, tếu một chút:

*Giờ nghĩ thân ta chỉ còn có vợ  
Vợ chót bỏ quên bên kia bán cầu  
Ngày ngày phát phơ giữa rừng mũi lõ  
Tìm người tình Việt chưa biết tìm đâu*

Cao Tần nắm vững quy luật của ngôn ngữ và sành tâm lý. Người Việt dù có thương yêu, quý trọng vợ đến đâu, khi nhắc đến "bu nó" vẫn có cái giọng rề rúng vờ như thế. Chuyện *tưởng người dưới nguyệt chén đồng* chỉ hay cái hay văn chương.

Từ một chi tiết rất cụ thể, một thể căn cước còn sót lại trong đáy ví, tác giả cũng dựng được những câu thơ cảm động:

*Quanh mình xôn xao chuyện thay quốc tịch  
Ngậm ngùi bày dăm giấy cũ coi chơi  
Thời cũ ó vàng rách rơi mấy mảnh  
Xót xa đau như mình bỗng qua đời*

*Hỡi kẻ trong hình mặt xanh mày xám  
Ngươi sắp thành tên mọi Mỹ rồi ư  
Hỡi thằng chiến binh một thời dũng cảm  
Mày lang thang đất lạ đến bao giờ*

Trước những câu thơ như thế, phản ứng đơn thuần của tôi là cảm động. Cảm động vì tình người. Tình người trong con người. Sau đó mới ưu ái với tình Việt. Tình Việt trong người Việt. Còn chuyện văn chương là cái còn lại. Hay là cái qua đi. Cao Tần nắm vững kỹ thuật. Nhưng thơ ông thành công không phải chỉ vì kỹ thuật, và cũng không phải chỉ vì niềm nhớ cố hương. Bao nhiêu người đã làm thơ nhớ nước trước đây. Tôi nghĩ ông rung cảm được người đọc vì cái tình người. Tôi nghĩ thầm: phải yêu người mới nhớ nước, mới nói được một câu rất thực và rất thật:

*Bài học lớn từ khi đến Mỹ  
Là ngày đêm thương nước mênh mang*

Câu thơ cho ta thấy rằng, vì một lý do nào đó, con người có thể bứt bản thân ra khỏi quê hương, nhưng vẫn không thể bứt quê hương ra khỏi bản thân. Ở niềm nhớ nỗi sâu xa đó, người Việt kiêu đều gặp nhau, dù chính kiến có đối lập. Mà gặp nhau đã là chuyện quý hiếm.

Để xoa dịu nỗi đau nhức trong cuộc sống, con người tìm quên, hay che giấu. Bằng cách pha loãng cô đơn của mình trong cô đơn của bạn bè, qua chén rượu, qua câu chuyện ngông:

*Dẫm thẳng khùng hạp nhau bàn chuyện lớn  
Gánh sơn hà toan chất thử lên vai  
Chuyện binh lửa anh em chùng cũng ớn  
Dọn tinh thần: cưa nhẹ đỡ ba chai (...)*

*Bình minh tới một chàng bưng tỉnh giấc  
Thấy chiến trường la liệt xác anh em  
Năm tráng sĩ bị mười chai quất gục  
Đòi tha hương coi bộ vẫn êm đêm*

*Sàn gác trọ những tâm hồn bão nổi  
Những hào hùng uất hận gói lên nhau  
Kẻ thức tỉnh ngu ngơ nhìn nắng mới  
"Ta làm chi cho hết nửa đời sau?"*

Câu cuối cùng thật là cay đắng, thâm thiết. Thơ Cao Tần lay động người đọc vì nó không sướt mướt, không bi lụy. Tâm tình bi thiết của mình, và của cả một cộng đồng đồng đảo người Việt xa quê. Cao Tần đem ra nói chơi chơi, nói khơi khơi. Câu thật xen kẽ với câu đùa, chữ thanh lẫn giữa chữ thô, nụ cười tiếp theo tiếng nấc, câu tâm sự tái tê lạc giữa cái giọng kiêu bạc, bơ vơ. Toàn tập gọi ra cái vẻ phúng thế, khinh đời:

*Ông học được Mỹ đất trời bát ngát  
Nhưng tình người nhỏ hơn que tăm*

Chữ "ông" Cao Tần sử dụng thường xuyên, bề ngoài tuy ngông nghênh, bên trong là trống rỗng và thảm hại. Xưng ông là để quên mình đi, chứ không phải để tôn mình lên cao.

Cái ngênh ngang trong thơ, thường che giấu một tâm hồn bất đắc chí. Do đó người ta dễ yêu vẻ kiêu bạc, khinh người trong thơ hơn là ngoài đời, tuy trên thực tế, trong thơ hay ngoài đời, sự kiêu bạc chắc cùng chung một động cơ tâm lý. Cao Tần tự xưng là "ông" và gọi thiên hạ là chú:

*Chú nào ngồi trước hiên ta chiều nay  
Nghe mưa Sài Gòn rạt rào thom ngát  
Sau một ngày nắng lóa chín từng mây  
Những mái tôn mưa cười ran hạnh phúc...*

Độc giả cười xòa mà nhận cái ngông nghênh đó, vì nó chỉ phản ánh một tâm trạng bi thương!

*Đời đang bão khi không chìm lặng ngắt  
Như cành khô nằm chết đáy sông sâu (...)  
Tuổi chưa nặng hồn đã chùng ngớ ngẩn  
Lòng vàng khô hơn chiếc lá đưa vèo.*

Qua những đoạn trích dẫn, độc giả cũng thấy được cấu trúc trong từng bài thơ Cao Tần. Đoạn đầu, hoặc chỉ câu đầu, nói lên một hoàn

cảnh cụ thể hiển nhiên, để lôi cuốn óc tò mò của người đọc. Sau đó, tác giả tổ chức ý thơ, lời thơ của toàn bài để đưa dẫn tới câu cuối, thường thường rất cô đúc.

Giọng thơ già dặn tinh táo, chừng mực cho ta cái cảm giác Cao Tần chỉ là bút danh của một tác giả đã giàu kinh nghiệm diễn đạt. Cao Tần là ai, kể ra biết cũng vui, không biết cũng không sao. Điều quan trọng là ông đã nói lên một cách hiệu lực niềm nhớ nước đau nhức trong nhiều người Việt, vì lý do này hay lý do khác, phải sống lưu đày nơi đất khách.

Người Việt ở nước ngoài, rời đất nước vào những giai đoạn và cảnh ngộ khác nhau. Do đó, cùng nhớ chung một đất nước, nhưng niềm ray rứt cũng khác nhau. Buộc mọi tình cảm phải giống nhau, là chuyện viển vông. Niềm nhớ nước của Cao Tần bi thảm vì nó tuyệt vọng, bế tắc. Dĩ nhiên ta không nên đơn điệu suy ra rằng: trong hoàn cảnh này, hoàn cảnh nọ, thì phải nhớ nước thế nọ, thế kia. Người này thế này thì phải nhớ nước thiết tha hơn người nọ thế kia. Cuộc sống nội tâm không đơn giản như vậy.

Điều ta có thể nhận thấy là niềm nhớ nước ở Cao Tần đằng sau cái kiêu bạc bên ngoài, nó thâm thiết, thâm thiết như ít khi ta được thấy ở



văn thơ người Việt nước ngoài. Chỉ có điều đó thôi cũng đáng cho tôi ghi nhận và giới thiệu với bạn đọc. Vấn đề tôi muốn nêu lên là: chúng ta có nhớ nước thật tình, nhớ đến cái độ chấp nhận, đùm bọc nhau, khai thông cho nhau những bế tắc hay không. Dĩ nhiên là còn nhiều vấn đề khác có thể nảy ra, còn nhiều kết luận khác còn có thể tĩa ra, còn nhiều suy nghĩ khác có thể bừng sáng, về trách nhiệm chung của chúng ta về sau.

Còn chuyện văn chương, chỉ là lời chào qua đường

11-1982

---

<sup>[1]</sup>Người Việt xuất bản, không ghi nơi và năm in. Theo chúng tôi thì in tại California, 1978, sách gồm 56 trang khổ nhỏ.

**Nguồn:** Tạp chí *Đoàn Kết*, tháng 12.1982, Paris

(Trích lại từ Talawas)

Võ Phiến

## Độc Thơ Cao Tần

Gần đúng hai năm sau ngày chúng ta bỏ nước ra đi, tờ báo Bút Lửa số 1 tung ra hai bài thơ lạ lùng của một tên tuổi lạ hoắc: CAO TẦN. Thơ Cao Tần được tán thưởng ngay. Nó gây chấn động. Nó thành một biến cố trong sinh hoạt văn nghệ tha hương. Trong giới độc giả và giới cầm bút nổi lên một thắc mắc: “Thơ hay đấy. ‘Tới’ lắm. Nhưng Cao Tần là ai vậy?”

Cao Tần hành tung bí mật như T.T.KH.; vì vậy người ta e rằng rồi cũng chỉ thoáng qua trên thi đàn trong chốc lát như T.T.KH. Nhưng không. Từ số nọ sang số kia Bút Lửa tiếp tục đăng thơ Cao Tần gần một năm trời.

Và thơ ấy càng ngày càng “tới”. Nó không phải là một phút ngẫu nhiên may mắn, mà dần dần chứng minh một tài năng có bản lĩnh vững vàng. Vào khoảng tháng 11-1977 nhà văn Mặc Đỗ “riêng nhắn Cao Tần: Cảm lắm”. Sau đó, nếu nhà văn còn theo dõi, còn đọc nữa, chắc chắn còn sẽ “cảm” hơn nữa.

Vì kỹ thuật làm báo, Bút Lửa đã dành cho Cao Tần một sự xuất hiện đột ngột, cố ý gây một kinh ngạc. Thực ra sau này chúng ta lần lần nhận thấy sự ngạc nhiên của độc giả không hẳn chỉ là kết quả do kỹ thuật nghề nghiệp: Trong bản chất thơ Cao Tần vẫn có cái gì đột ngột, luôn luôn khiến người đọc ngạc nhiên.

Cái ấy trước hết là đề tài. Nhiều bài thơ của Cao Tần được kết cấu như truyện, những câu chuyện khá ly kỳ: chuyện hai người bạn tịnh khẩu uống tí tí giữa sa mạc; chuyện thằng Cù Lân có cái túi nhỏ; chuyện dăm thằng khùng bàn chuyện vá trời: kẻ vượt suối trèo non về nước phất cờ khởi nghĩa như “hùm thiêng cựa móng thét rung trời”, người leo lên tượng thần Tự Do Mỹ quốc tự đốt mình làm lửa sáng để soi tìm trong đáy biển “những oan hồn ai bỏ giữa bao la”, v.v.

Cái đột ngột ấy lại ở những hình ảnh độc đáo, ý tưởng bất ngờ. Hoặc về những lá thư gửi từ

Sài Gòn qua ngoại quốc, vừa phải ca ngợi cách mạng vừa tiết lộ sự thực bi đát qua lời lẽ úp mở:

*“Thư quê hương như tên hề ốm nặng  
Hồn tang thương sau mặt nạ tươi cười”*

Hoặc thất vọng vì những lời thư bất lực của vợ, kẻ tha hương bảo vợ thay vì viết lách quanh co, hãy gửi vài sợi tóc mẹ già, gửi viên sỏi nhỏ bên đường...

*“Và gửi cho anh một tờ giấy trắng  
Thấm nước trời quê qua mái dột đêm mưa  
Để anh đọc: mệnh mông đời lạnh vắng  
Em tiếc thương hoài ấm áp gối chăn xưa”.*

Hoặc về tấm hình nhợt nhạt trên thẻ căn cước mà mỗi chúng ta còn mang theo:

*“Ôi trong ví mỗi người dân mất nước  
Còn một oan hồn mặt mũi ngu ngơ”*

Cái đột ngột còn ở những lời những chữ, những cách nói không thường thấy trong văn chương, càng không thường trong thi ca:

*“Mày có linh thiêng qua đây tao cúng  
Một châu phim X, một quả tằm hơi  
(...)  
Cũng ngát ngư đời như con... củ khoai”*

Chắc chắn sẽ có lời cật vấn: “Cái đột ngột thì đáng giá đến giá trị thi ca?”

Quả vậy. Thật khó xác nhận rằng thơ hay là thơ kỳ lạ, mặc dù xưa nay không hiếm những trường hợp thi nhân đua nhau biểu diễn các trò quái đản: tự dung điên loạn, đòi uống ánh sáng, bay lên trăng, đớp các vì sao v.v.

Đột ngột, kỳ lạ, có thể không phải là một giá trị. Nhưng ai biết được đích xác đâu là những yếu tố làm nên giá trị của thơ, gây nên xúc cảm thơ? Chẳng qua thi ca là địa hạt của tình cảm, của tưởng tượng, và nhà thơ vẫn khoái chúng tỏ một sức tưởng tượng phóng khoáng phi phạm, ai nấy ra sức vượt thoát ra ngoài khuôn sáo tầm thường. Giữa những kẻ đớp sao uống trăng v.v. Cao Tần không chọn kiểu quái dị nhất. Vậy mà Cao Tần vẫn gây được cảm tưởng đột ngột độc đáo. Có phải chính vì thế mà cái kỳ lạ này đậm ra ít sáo hơn cả?

Tứ thơ lạ, câu thơ đẹp — trong hoàn cảnh một cuộc sống thanh bình tại quê hương, đó hẳn là những mộng ước của kẻ chọn nghiệp thi ca. Những cái ấy đều có ở thơ Cao Tần. Nhưng trong cảnh ngộ lưu lạc hiện nay, liệu còn có ai cầm bút chỉ vì những lý do nghệ thuật như thế? Và trong số độc giả liệu mấy ai còn tìm đọc thơ vì tứ lạ lời hay?

Chắc chắn khi nhà văn Mặc Đỗ “cảm” Cao Tần, cái cảm ấy không vì một hình thức nghệ thuật độc đáo hay điêu luyện. Cái hấp dẫn của Cao Tần đó là một tâm sự vừa bi thống vừa phần uất, một phong thái ngang tàng trong tuyệt vọng. Người tị nạn nhìn vào thơ Cao Tần thấy niềm đau đớn xót xa: niềm đau của mình; thấy nổi cay đắng: nổi cay đắng của mình; thấy chán nản mệnh mông: của mình... Và trên chùng ấy nét tâm trạng của chính mình là một khí phách hào hùng, dù là cái hào hùng của người lâm vào mặt lộ.

Nghĩ đến cảnh sa cơ lỡ vận, người thơ cười: “Ông thượng đẳng cu-li”. Nói đến một phi công thất thế, lại cười: “Đời khôn kiếp đã quăng ông xuống đất”. Kể chuyện một người trân trọng giữ từng chút kỷ niệm của mẹ, của vợ, của bạn bè trong cái túi nhỏ mang kè kè theo mình, lại cười: đó là chàng Cù Lân! Trong thơ Cao Tần thường ẩn hiện nụ cười, cười như người Việt Nam vẫn cười trong tận cùng đắng. Đối với người ngoại quốc đang sống quanh ta không biết họ thấy thế nào; riêng đối với chúng ta tiếng cười ấy làm xao xuyên đến tận đáy tâm hồn: cách xa quê hương muôn vạn dặm, có thơ Cao Tần lúc đau đớn ta “được” đau đớn trong cách thể biểu hiện đặc biệt của dân tộc. Chẳng cũng khoái sao?

Cao Tần cười cay đắng, nói huênh hoang ngạo mạn, lắm khi đến tục tằn, như thế chỉ vì không muốn phơi bày chỗ thảm hại. Sự thực phía sau tiếng cười ấy, phía sau cái nghênh ngang ấy là một cảnh thảm hại: chỗ gặp gỡ chung của tất cả chúng ta. Gặp gỡ để thương nhau.

Con người cười cợt ngạo nghễ có thể là người “yếu” hơn bất cứ ai khác. Năm chàng trắng sĩa họp nhau bàn chuyện lớn suốt đêm, quất ngã la liệt nhiều chai rượu mạnh, để rồi mờ sáng hôm sau:

*“Sàn gác trọ những tâm hồn bão nổi  
Những hào hùng uất hận gối lên nhau  
Kẻ thức tỉnh ngu ngơ nhìn nắng mới  
Ta làm gì cho hết nửa đời sau?...”*

Chàng Cù Lân bị giật cái túi nhỏ bí mật:

*“Cù Lân dọa đêm nay đâm chết hết  
Ôi ví dầu chú mở được tim anh  
Chú cũng thấy một kho tàng thảm thiết  
Với khăn tay nhàu nát chữ thêu xanh”.*

Cái nghênh ngang bên ngoài chỉ đẹp vì cái “kho tàng thảm thiết” bên trong. Nếu không thế nó vô duyên biết mấy.

Kho tàng của Cao Tần chưa mở hết — thời gian xuất hiện trên thi đàn của Cao Tần còn

quá ngắn đối với một đời văn thơ — tuy nhiên chúng ta đã bắt gặp bao nhiêu cái thâm thiết: hoặc những nhớ nhung hướng về từng chiếc ghé công viên, từng cái tháp chuông nhà thờ, từng viên gạch vỡ ở góc vườn quê xưa, vì:

*“Dưới ghé công viên anh giấu thời thơ dại  
Trên tháp nhà thờ anh giấu niềm tin  
Trong vườn cũ anh giấu thời hạnh phúc  
Nơi nụ cười em anh giấu trái tim”.*

hoặc những thắc mắc vẫn vơ: Ở cái xứ sở muôn trùng xa cách, ở nơi thành phố mình đã rời bỏ ra đi không hẹn ngày về buổi sáng hôm nay những ai đang bước đi trên con đường quen thuộc trước nhà mình? trưa nay ai ngồi trên ngọn đồi thở mùi gió thông mà mình nhớ quay quắt? và:

*“Chú nào ngồi trước hiên nhà ta chiều nay  
Nghe mưa Sài Gòn rạt rào thom mát  
Sau một ngày nắng lóa chín tầng mây  
Những mái tôn mưa cười ran hạnh phúc?”*

Trong thơ Cao Tần có cả cái cao ngạo của tráng sĩ lẫn cái yếu đuối vô vàn của chàng Cù Lân. Và đó cũng là hai khía cạnh của mỗi một tâm hồn di tản tha hương. “Cảm” nhau vì thế.



Ôi, mỗi cảm thông thăm thiết giữa những tráng sĩ... Cù Lân.

Trường hợp thơ Cao Tần gợi lên một vấn đề: khả năng sáng tác của người di dân lưu lạc.

Đầu tháng tư năm ngoái tạp chí Newsweek có bài kiểm điểm về cái thế giới thảm lạng của di dân: từ 1972 đến nay, nhà cầm quyền Xô-viết đã cưỡng bức tổng xuất “gần trọn một thế hệ những văn nghệ sĩ xuất sắc nhất của nước Nga”, thực hiện “cuộc thanh trừng văn học lớn lao nhất kể từ thời Staline”, và những văn nghệ sĩ nọ đã mất sức sáng tạo khi ra khỏi nước.

Thi sĩ Alekxandr Galich kêu rằng ở Paris họ mất ngôn ngữ và tất cả xung quanh đều câm nín, họ sống giữa một thế giới câm. Phong phú như Alekxandr Solzenitsyn, tiếng rằng tiếp tục viết hăng vẫn không thấy cho in được gì đáng kể sau 1974. Vladimir Maximov vừa xuất bản tờ tạp chí của di dân Nga vừa bảo “bây giờ chuyện làm người quan trọng hơn làm nhà văn”.

Jerry Kosinski, nhà văn Ba-lan di cư thành công bằng các tác phẩm Anh ngữ, đã mĩa mai các đồng nghiệp Nga nọ: Thay vì viết lách, họ ngồi trong các quán cà-phê Pháp mà nói tiếng Nga, bàn chuyện giải phóng cổ quốc.

Thoát ra khỏi một ngục tù, họ lại tự giam mình vào một ngục tù khác, cái ngục tù của thứ ngôn ngữ và văn hóa riêng biệt của họ.

Chúng ta lo lắng: Thế giới Tây phương quanh mình đối với chúng ta càng cảm lạnh hơn là đối với các văn nghệ sĩ Nga. Có phải do đó mà thắc mắc: “Cao Tần là ai?”

Câu hỏi ấy chứng tỏ người ta không tin cuộc sống di cư có thể là khung cảnh xuất hiện một tài năng mới...

Trong lúc chúng ta đang suy nghĩ về một sự may mắn xảy đến trong sinh hoạt văn nghệ ly hương của người Việt Nam thì thi sĩ Minoru Fujita từ Los Angeles bay về Đông Kinh để đọc trước Nhật hoàng bài đoản ca của ông trong dịp đầu năm.

Đó là một tục lệ đã có từ lâu đời: hàng năm nước Nhật chọn lấy mười bài hay nhất trong số những đoản ca được viết ra khắp trong và ngoài nước; Tết đến trong một buổi lễ long trọng các tác giả được mời vào hoàng cung tự mình ngâm thơ trước mặt vua.

Minoru Fujita là thi sĩ hết sức hiếm hoi thành công ở hải ngoại. Người thi sĩ ấy lại đoạt được cái vinh dự này những hai lần: một lần vào năm 1971, lần nữa năm 1977.

Fujita xa quê hương từ 1953, tức đã một phần tư thế kỷ. Ngày ấy ông chưa từng làm thơ. Tại sao cái năng khiếu đối với loại thơ cổ điển có một lịch sử xưa hàng nghìn năm lại bỗngưng nảy sinh rồi phát triển rục rờ nơi người cựu thủy thủ sống trong hoàn cảnh tha hương? Cuộc sống vẫn dành quyền thỉnh thoảng tung ra một chuyện lạ thường, khó hiểu.

Fujita khiến Cao Tần không đến nỗi kỳ quái; nhưng liệu có khiến nổi những người cầm bút lưu vong của Việt Nam trở nên lạc quan?

Nghĩ ngợi về trường hợp Fujita, một ký giả của tờ Los Angeles Times đã tìm gặp một bài đoản ca Nhật mà ông ta dịch:

*“I no longer know  
What they are saying  
In my native land,  
But I know the flowers  
Smell the same.”*

Một người lưu lạc lâu năm, biết rằng quê hương đã trải qua nhiều biến đổi, biết mình đã xa lạc các vấn đề của xã hội cũ đến nỗi không còn biết nơi cố quốc đồng bào đang suy nghĩ về những gì, đang nói năng những gì nữa. Dù sao người ấy còn thấy có điều an ủi

là ở nơi đó hoa xưa vẫn tỏa mùi hương cũ: cái ấy thì muôn đời không thay đổi.

Thời gian Cao Tần xa nước chỉ bằng một phần mười thời gian của Fujita. Thế nhưng sự cách biệt giữa Việt Nam hiện nay với Cao Tần, với chúng ta, lớn lao hơn nhiều: chẳng những bộ mặt xã hội đổi khác, mà tâm lý con người, mà tư tưởng, ngôn ngữ ở nước ta cũng đổi khác. Thật vậy, cái tiếng nói mới do cách mạng đưa vào Sài Gòn gần đây khác trước nhiều chứ.

*“Quê xưa người đổi tiếng người  
Trước sau hoa vẫn một mùi hoa thơm”*

Và thế là ông Fujita cứ yên trí làm thơ, và làm thơ hay, và thơ ông được tán thưởng cả trong nước lẫn ngoài nước.

Cao Tần không có được hoàn cảnh ấy. Người cầm bút Việt Nam lưu vong không có được hoàn cảnh ấy. Hoa quê hương vẫn thơm một mùi, nhưng người hoa bây giờ phải có lập trường, một lập trường người hoa mới lạ. Bị bức tường lập trường ngăn cách hoàn toàn đường giao tiếp với quê hương, Cao Tần vừa làm thơ vừa kêu hoảng:

*“Tiếng Việt trong ta ngày mỗi héo  
Hồn Việt trong ta ngày mỗi khô”.*

Dù đang thành công Cao Tần không lạc quan nổi, không hề lạc quan chút nào; tuy vậy thơ Cao Tần nhất thời cũng tránh cho chúng ta một cảnh trạng rất đáng bi quan. Bởi vì làm thơ trong cảnh sợ... hết tiếng hết chữ, chuyện đã đáng thương; nhưng đáng thương hơn có lẽ là khi một tập thể di dân đông đảo và buồn thảm như chúng ta mà không có được một tiếng thơ nói lên cái cảnh ngộ của mình.

**Võ Phiến**

*(Nguồn: phunulamvien.org)*

Vĩnh Hảo

## Độc Thơ Cao Tần

Bỗng dung bị đặt vào một hoàn cảnh không còn chọn lựa nào khác, họ lên đường, ly hương, bắt đầu đời sống của những kẻ lưu vong. Từ mảnh đất mới, với hai tay trắng, cố gắng gầy dựng nên cơ nghiệp mới. Cơ nghiệp thành tựu lớn lao hay chỉ là những mảnh đời chấp vá thì cũng tùy khả năng, tuổi tác, sự xông xáo hay thụ động, lanh lợi hay chậm chạp, và đôi khi, vận may hay số rủi của mỗi người mà thành khác nhau. Nhưng điểm giống nhau nhất là ai cũng quay quắt, nhớ nước nhớ non, và bỗng thấy yêu vô cùng tiếng mẹ đẻ... Hoài vọng về quê hương, hoài niệm về dĩ vãng, hoài bão một ngày xán lạn

cho đất nước... người di tản cảm thấy miền đất mới chỉ là chỗ "tạm dung." Họ vẫn mong đợi một ngày nào đó được trở về cố quốc. Và người di tản, bỗng thấy "buồn". Thơ lưu vong từ đó xuất hiện. Nhiều lắm. Hình như ai biết chữ cũng làm thơ được trong cái cảnh trạng và tâm trạng "nhớ nước đau lòng" ấy. Nhưng trong số những người di tản làm thơ "bất đắc dĩ", Cao Tần lên tiếng sớm nhất, thành công nhất, nổi bật nhất; và không như những nhà thơ khác phải trải qua nhiều năm bị giam nhốt, coi giò... của văn thi hữu và bạn đọc, ông nghiêm nhiên trở thành một nhà thơ rất nhanh, rất tự nhiên. Là vì không ai vào lúc ấy có thể trải được cái tâm trạng bất đắc chí, hụt hẫng, dở khóc dở cười của mình... một cách thấu đáo, ý nhị, hào hùng, cảm động mà lại lạc quan tiêu kiêu như ông. Từng từng, tếu, tự biếm, mà thâm sâu làm sao. Đọc thơ ông, người ta vừa cười, vừa khóc.

### *Mai một anh về*

*Mai một anh về có thằng túm hỏi*

*Mày qua bên Mỹ học được củ gì*

*Muốn biết tài nhau đưa ông cây chổi*

*Nói mày hay ông thượng đẳng cu li*

*Ông rửa bát chì hơn bà nội trợ*

*Ông quét nhà sạch hơn em bé ngoan*

*Ngày ngày phóng xe như thăng phải gió*

*Đêm về nằm vùi nước mắt chứa chan*

*Nghệ thuật nói bông hóa trò lao động*

*Thằng nào nói nhiều, thằng ấy tay to*

*Tiếng mẹ đẻ thường chỉ dùng chửi đổng*

*Hay những đêm sầu tí toáy làm thơ*

*Ông học được Mỹ đất trời bát ngát*

*Nhưng tình người nhỏ hơn que tăm*

*Nhiều đứa hồn nhiên giống bày trẻ nít*

*Còn hồn ông: già cóc cỡ nghìn năm*

*Bài học lớn từ khi đến Mỹ*



*Là ngày đêm thương nước mênh mang  
Thù hận bọn làm nước ông nghèo xi  
Hận gặp nghìn lần khi chúng đánh ông vắng*

*Nếu mai một bổng đôi đời phen nữa  
Ông anh hùng ông cứu được quê hương  
Ông sẽ mở ra nghìn lò cải tạo  
Lùa cả nước vào học tập yêu thương*

*Cuộc chiến cũ sẽ coi là tiền kiếp  
Phản động gì cũng chỉ sống trăm năm  
Bò bịch hết không đưa nào là Ngụy  
Thắng vinh quang mà bại cũng anh hùng.*

(tháng 3, 77)

Những nỗi niềm thương non nhớ nước, lo nghĩ về tương lai tiếng mẹ đẻ trên đất người, thao thức về vận hội thanh bình nơi quê xa... là ưu tư chung của người tị nạn xa xứ; nhưng ghi lại thành những câu thơ, những bài thơ để

cho ai cũng thắm thía và có thể thuộc lòng thì  
hầu như chỉ có thơ Cao Tần.

***Chốn tạm dung***

*Nhà tôi ở toòng teng đỉnh đồi  
Buổi mai đi làm thấy đời xuống dốc  
Sau lưng sương ngập cao lưng trời  
Trước mặt thông sầu reo đày vạc*

*Bắt đầu ngày bằng một chút vui  
Hát nghêu ngao trong lòng xe rỗng tuếch  
Bài ca quen bỗng chợt quên lời  
Chút kỷ niệm còn lại mát khời khời*

*Tiếng Việt trong ta ngày mỗi héo  
Hồn Việt trong ta ngày mỗi khô  
Dốc mở như đời ta trước mặt  
Sương kín như đời ta hôm xưa*

*Giang hồ một túi bài ca cũ  
Hát nhảm cho qua nốt tuổi già  
Qua những bình minh còn ngái ngủ  
Còn như chưa lạc mất quê ta*

*Giữa đỉnh sương mù thông đáy vực  
Trên đường chênh chếch nắng mênh mang  
Trôi xuôi một mảnh hồn lưu lạc  
Đã chán nhân gian ở cuối đường*

*Chiều về lên dốc thân tôi tả  
Một quả hoàng hôn đỏ kín trời  
Mình mới ngoi lên ngày đã ngã  
Đêm phờ lắn lóc ngủ thay chơi*

*Giữa đỉnh sương mù thông đáy vực  
Ngược xuôi ngơ ngẩn một linh hồn*

*Còng lưng gánh nót đòi lưu lạc*

*Nặng trĩu nghìn cân nhớ nước non.*

(tháng 5, 77)

Thi vị hóa đời mình qua đời sống thường nhật, với cái giọng nửa chua xót nửa ngạo nghễ, hiếm thấy bài thơ nào thâm trầm sâu sắc như của ông. Đọc mấy câu thơ đầu bài Chôn Tạm Dung, tôi giật mình ngay:

*Nhà tôi ở toòng teng đỉnh đời*

*Buổi mai đi làm thấy đời xuống dốc*

Nội tâm phải thật thâm thúy và sống triền miên trong thơ mới nảy ra được hai câu với hình ảnh tỉ dụ ví von tuyệt khéo như vậy.

Mặc dù ông cố ý dùng cái giọng cà rửng ở câu đầu, chẳng hạn nói "toòng teng" thay vì "chênh vênh" hay "cheo leo," nhưng đến câu thứ hai, và các câu kế tiếp, ông vẫn không thể giấu được ý và lời đầy ắp chất "thơ."

*Buổi mai đi làm thấy đời xuống dốc*

*Sau lưng sương ngập cao lưng trời*

*Trước mặt thông sầu reo đày vạc*

Nơi ở thì toòng teng, đường đi thì xuống dốc, sau lưng thì mờ mịt sương, trước mặt thì những cây thông reo buồn nơi đày vạc, lên xe thì thấy rỗng tuếch, bài ca quen thuộc thì bỗng quên lời, kỷ niệm đẹp thì tự dung lạc mất... Diễn tả như thế là đã đẩy ngôn ngữ đến chỗ tận cùng, không còn phải nói gì thêm, về vẻ ngơ ngẩn lạc loài của một linh hồn lưu vong tội nghiệp.

Ông còn chứng tỏ là một người giàu từ tâm, rộng lượng, đầy ắp tình cảm, luôn nhớ nghĩ đến những người khác, dù rằng đời mình cũng xuống dốc, cũng rách nát tan tành. Mà sức tưởng tượng của ông mới thật là tràn trề! Ngồi nhúng chân bên bờ biển này mà thả hồn theo nước về đến bờ bên kia, cách xa vạn dặm; chưa hết, hơi thở dài cũng muốn gửi theo về chốn xưa, khua động cây lá nơi rừng già, an ủi và ca ngợi những tráng sĩ li lợm còn nuôi mộng quang phục quê hương...

***Biển chiều***

*Chiều nay ra biển ngồi ngoi ngoảnh  
Nhúng hai giò trong nước Thái Bình Dương  
Để hơi ta dạt về bờ Ô Cáp  
Chạm thân ái vào lưng đất mẹ tang thương*

*Có bạn nào đang rắp tâm vượt thoát  
Nhớ rằng ta luôn cầu nguyện cho người  
Láng đời chót đã tan trên chiếu bạc  
Thì sá gì thêm một chuyến ra khơi*

*Thở thật dài vào thính không bát ngát  
Theo gió về động lá cánh rừng xa  
Này thẳng lì còn chơi miền gió cát  
Trong kiêu dũng mảy cho gửi chút hồn ta*

*Có thẳng bạn nào tàn đời học tập*

*Công gông xiềng lê lét một thân đau*

*Này biển chiều sóng xô ào lớp lớp*

*Những tiếng đời phiêu bạt khóc thương nhau.*

(tháng 6, 77)

Có thể nói không ngần ngại, rằng thơ ông xứng đáng là tiếng nói tiêu biểu, ghi lại ý hồn chung của một thời chạy loạn di tản, của những người tị nạn ly hương, đánh dấu một thời kỷ niệm lưu vong bi lụy, hùng tráng.

### *Câu cá*

*Ta đã vượt muôn dặm dài biển cả*

*Đường tử sinh lui tới cũng đôi lần*

*Bỗng bình minh này ngồi thuyền, câu cá*

*Trôi dật dờ như lá trên hồ xanh*

*Hỡi chú cá rong chơi miền nước biếc*

*Ta vượt đường muôn dặm chẳng tìm nhau*

*Bày đặt buồng cần mà quên thương tiếc  
Cho đời êm, qua được mấy giờ đau*

*Nói nghe coi này cổ thụ ven hồ  
Kể từ những trăm năm dài đứng đó  
Có gặp khi nào một kẻ xác xơ  
Lòng sâu hận hơn kiếp người da đỏ*

*Đời đang bão khi không chìm lặng ngắt  
Như cành khô nằm chết đáy sông sâu  
Đời đang dậy sóng thần lên bát ngát  
Bỗng vùi yên đáy biển một thân tàu*

*Và móc đời lên cần câu vớ vẩn  
Dem dìm chơi trong đáy nước rong rêu  
Tuổi chưa nặng hồn đã chùng ngo ngẩn  
Lòng vàng khô hơn chiếc lá đưa vèo?  
(tháng 11, 77)*



***Phiêu bông***

*Cho ta làm lại cuộc đời  
Thì ta lại vẫn ra khơi như thường  
Vật vờ vượt sóng trùng dương  
Kiếm đời di tản nghìn cơn nhục nhằn  
Mai này tính số trăm năm  
May chẳng lời được cái thân phiêu bông.  
(tháng 12, 77)*

***Bông giấy***

*Tưởng ta nhớ chú lấm sao  
Này cây bông giấy bên rào năm xưa  
Chẳng qua trời đổ cơn mưa  
Thì thương cành mọn đong đưa một mình.  
(tháng 12, 77)*

Thơ ông là lịch sử chép gọn. Trang trải tâm tình và ước vọng của người Việt trong một giai đoạn buồn thảm khó quên. Tâm tình ấy, không biết hận thù và trả thù; chỉ biết tự vệ và mơ ước những gì tốt đẹp nhất cho đồng loại của mình. (Có cần phải chứng minh "cụ thể" chăng? Thì đây: dù là một trong những nạn nhân bị trù dập, trả thù, đày ải trong các trại tập trung cải tạo — bởi chính sách không hề mang một chút gì tinh thần nhân ái, độ lượng, vốn là đặc tính của tộc Việt; mà cũng chẳng có chút tinh thần mã thượng, văn hóa hay văn minh gì của con người thời đại — Cao Tần cũng không lên giọng nguyên rủa phía những người "anh em" hành hạ mình bằng lòng thù hận; trái lại, ông ước mơ có cơ hội để trải tâm tình yêu thương đến họ, "*lấy tình thương xóa bỏ hận thù*":

*Nếu mai một bổng đổi đời phen nữa*

*Ông anh hùng ông cứu được quê hương*

*Ông sẽ mở ra nghìn lò cải tạo*

*Lùa cả nước vào học tập yêu thương...*

(Mai một anh về)

Tâm tình ấy thật đẹp, thật nhân ái và nồng nàn tình tự quê hương, là nét văn minh tinh thần được gieo sâu trong mỗi người để mang theo, khắp những phương trời. Chỉ ngần ấy thôi, thơ ông đã vạch ra biên giới rạch ròi giữa thiện và ác, chính nghĩa và phi nghĩa. Người ta sẽ thấy ngay phần chính nghĩa thuộc về phía nào. Không phải cứ thắng là có chính nghĩa. Cũng không phải lưu vong là mất tất cả. Những người lưu vong như Cao Tần, đã quên dần mọi thứ, nhưng vẫn còn giữ lại một trời quê hương, một trời thơ.

Cám ơn ông đã thay mọi người, nói tất cả.

**Vĩnh Hảo**

(Nguồn: [www.vinhhao.info](http://www.vinhhao.info))

Thúy Hà

**Tưởng ta nhớ chú lấm sao/Này cây  
bông giấy...**

Tôi đoán rằng khi nhà thơ Cao Tàn-Lê Tất Điều thốt lên mấy câu “*Tưởng ta nhớ chú lấm sao/ Này cây bông giấy bên rào năm xưa...*” (bài “Bông Giấy,” Tháng Mười Hai, 1977) là trong những tháng năm đầu sau cuộc di tản 1975 lưu lạc sang xứ người, có thể ông chợt thấy đâu đó bên đường một giàn bông giấy quen thuộc.

Quen thuộc đến rung rung. Rung rung nhớ một “chú em” từng có mặt cùng mình nơi chốn quê nhà. Bởi vì Cali thiếu chi bông giấy, đi đâu cũng gặp, rục rờ, um tùm. Nhưng cái “chú em” quê nhà ấy thì thôi không còn gặp được nữa.

Gọi một cây hoa là “chú em” chắc chỉ có ở “ông anh” Cao Tàn, ở một nhà thơ đậm tính

humour (\*) và ở một người đủ thương đủ nhớ về một nơi chốn.

Tôi đoán rằng ai cũng có một cái cây để đủ nhớ đủ thương về một nơi chốn, dù không phải ai cũng có khả năng bật ra thành thơ như Cao Tần.

Elle – con gái tôi – năm lớp Một khi làm “presentation” giới thiệu cuốn sách ưa thích với cả lớp, nó đã chọn truyện tranh “The Giving Tree” của Shel Silverstein. Hỏi sao con chọn cuốn đó, nó chỉ biết nói: “Vì con thích cái cây!” Ở tầm tuổi nó, cái cây “The Giving Tree” thân diệu đó đơn giản là cái cây to rễ đan thành bọng mà nó và đám bạn hay ngồi vào chơi ở góc sân trường. Đơn giản, cây được nhớ là một Chỗ Ngồi chơi trên mặt đất.

Đơn giản, như tuổi thơ tôi cũng gắn với những cây là cây, ở Sài Gòn. Nhà thì ở hẻm Cây Xoài (hẻm 5A Trần Phú – Nguyễn Hoàng cũ, Quận 5), gần nhà có tiệm Phở Cây Dầu (con gái út chủ tiệm phở học chung lớp cấp hai với tôi), đi chợ thì chợ Vườn Chuối, cuối tuần ba chở ra bùng binh Cây Liễu ngó vòi phun nước...

Đám nhóc hẻm Cây Xoài ngày ấy giờ lưu lạc bốn phương, thi thoảng gặp nhau “tán

chuyện” xưa thể nào cũng nhắc chuyện cây: nhắc chỗ chơi “u” dưới gốc xoài giữa hẻm, nhắc chỗ bắn bi trước nhà anh L. có giàn hoa sừ quân tử, nhắc khu vườn “khủng” nhà anh P. có đến bảy cây mận, nhắc cây vú sữa tím khổng lồ nhà H., nhắc hai cây mận trắng nhà N. hay bị đám con gái hái trộm, nhắc cây mận hồng nhà tôi nhìn đẹp chứ trái dở òm...

Hôm rồi, anh P. gửi cho tôi hình mới chụp con hẻm, hơn ba mươi năm, mấy căn nhà nhỏ ngày xưa đều đã xây thành nhà mới nguy nga. Nhưng ôi chao, hai cây mận trắng nhà N. vẫn còn đó, cây mận hồng dở òm nhà tôi cũng vẫn còn đó. Như “chú em” đứng đó, rung rung.

Cây như người, sinh ra đều mang một sứ mệnh. Một cái cây – chỉ cần giúp cho ai đó neo đậu một nỗi nhớ hay chỉ là chỗ ngồi chơi cho một đứa trẻ thôi – đã là sứ mệnh của nó rồi. Cũng như người “Chẳng có ai tẻ nhạt ở trên đời/ Mỗi số phận chứa một phần lịch sử” (Evghenhi Evtushenko) thì cây cũng được nhìn nhận như nhà thơ Đỗ Quý Toàn: “Tôi chưa bao giờ thấy một thứ cây nào xấu xí” (bài “Cây Thanh Lương Trà Ở Làng Cây Phong” – giai phẩm Người Việt Xuân 2018).

Thế nên, chẳng hạn chỉ với cây bông giấy thì nhà thơ Cao Tần gọi cái cây bông giấy bên

rào là “chú em,” còn cô Sáu của nhà văn Võ Phiến lại âu yếm gọi cây bông giấy trong vườn nhà là “mày” lúc bà làm vườn trò chuyện với nó (bài “Hình Bóng Cũ” – tuyển tập “Võ Phiến Cuối Cùng”). Rồi loại hoa bình dân ấy phải gắn bó thế nào, phải được nhìn nhận là đẹp thế nào thì mới trở thành hoa biểu tượng (Floral symbol) cho ba thành phố ở tiểu bang Cali này (Camarillo, Laguna Niguel và San Clemente).

Với người Việt ở Quận Cam bây giờ, đi chợ hoa Tết Phước Lộc Thọ ngoài đê mua đào, mai truyền thống người ta còn chọn bông giấy bonsai như một loại hoa Tết độc đáo, rực rỡ và lâu tàn. Chậu bông giấy bonsai màu hồng phấn mà tôi bung về từ chợ hoa Phước Lộc Thọ một chiều 29 Tết đã trở thành quen thuộc trong khoảng “giếng trời” ở căn nhà nhỏ của tôi mấy năm nay. Rồi tôi cũng nhớ nó khi xa nhà như Cao Tần chớ “chú em” bên rào hồi xa xứ. Nhớ, không vì màu sắc hay hình dạng của chúng – mà vì chúng đã là ký ức của ta.

Ký ức con người, dù muốn dù không, thường gắn với cây cỏ một cách tự nhiên. Bạn tôi dân Nha Trang có lần kể: mỗi lần về quê, tới ngã ba Thành Diên Khánh, thoáng thấy bóng cây Dầu Đồi là tìm tao đập thình thịch, sắp tới

nhà rồi! Một người bạn khác làm báo ở Sài Gòn quê ở Vũng Tàu thì có lần gửi cho tôi tấm hình đường vào thành phố biển bây giờ con lươn giữa lộ trông toàn bông giấy (lại bông giấy!): “Cứ thấy vật hoa giấy là biết đã tới Vũng Tàu!”

Tôi chợt nhớ cái giàn bông giấy hồng rực trùm lên một căn nhà trên con đường Lombard uốn lượn trứ danh của San Francisco. Nhìn từ xa hay nhìn trong bất cứ tấm ảnh chụp nào về con đường này người ta đều có thể nhận ra giàn bông giấy ấy. Nó như một chỉ dấu về con đường ấy, để ta nhận ra: Lombard kia rồi!

Như với Little Saigon nơi đang sống bây giờ – một cách tự nhiên, qua bao tháng năm gần bó tôi cũng có những chỉ-dấu-của-riêng-mình: cứ thấy vật tigôn hồng bên hông tiệm Bánh Mì Chè Cali đường Brookhurst (gần góc McFadden) là biết là mình đang ở giữa khu tập nập Việt Nam nhất nhì Sài Gòn Nhỏ; nhìn hàng phượng tím đường Lucky Way (gần góc Euclid-Bolsa) bông trở như mơ là biết một Tháng Năm nữa lại về; nhìn hai cây vông sừng sững trước khu thương mại Mile Square Plaza (Brookhurst gần Heil) hồng rực một góc đường là biết mùa Hè đã qua; đi ngang cây lê quen thuộc đối diện cổng trường



tiểu học Moffett của con mà thấy “cành lê trắng điểm một vài bông hoa” là biết mùa Tết sắp tới...

Lần về Việt Nam Hè rồi, chúng tôi có ghé thăm lăng Ngô Quyền (Đường Lâm, Hà Nội). Khu lăng mộ bây giờ sau nhiều trùng tu lộn xộn có lẽ chỉ còn hàng duối cổ thụ xanh biếc ở gần đó là vẫn nguyên vẹn với thời gian. Tương truyền đó là nơi vị vua lấy lòng từng buộc voi chiến và ngựa chiến sau các cuộc tập trận cùng nghĩa quân để chuẩn bị tiến về vùng cửa sông Bạch Đằng đánh đuổi quân Nam Hán. Nhìn hàng duối hơn 1,000 năm tuổi mà xúc động. Thời gian đã đi qua những gốc cây ngọn lá trầm mặc xanh tươi lặng lẽ sống động đó, những cây duối chứng nhân lịch sử, là báu vật của một vùng đất.

Cũng trong mùa Hè rồi ở Sài Gòn, sáng sáng đi bộ ở công viên Gia Định, tôi mới phát hiện toàn bộ cây trong công viên đều được đánh số (để chăm sóc và quản lý). Sau những đợt đốn hạ cây xanh vô trách nhiệm ở thành phố này, người ta đã giật mình khi nhìn lại Hòn Ngọc Viễn Đông từng xanh tươi như ngọc giờ chỉ còn 102,000 cây xanh (được đánh số) chia cho 10 triệu dân – trong khi Singapore có đến 2 triệu cây xanh mà dân số chỉ bằng 1/2 và diện tích chỉ bằng 1/3 Sài Gòn!

Nhìn những thân cây được đánh số tôi bỗng nhớ những cuộc xuống đường kêu gọi bảo vệ cây, buộc nợ cho cây, trình diễn “ôm cây – ôm người ta yêu thương” của nghệ sĩ Ly Hoàng Ly khởi xướng hồi 2016 để bày tỏ thái độ tình cảm của người Sài Gòn với những hàng cây đã/ đang và có nguy cơ sắp mất cùng những ký ức của một thành phố sắp bị xóa nhà.

Những ngày này, khi tôi ngồi đây nhắc về những tên cây thời tuổi nhỏ của mình trong đó có “bùng binh Cây Liễu” thì những cây liễu ấy cũng đã bị xóa sổ cùng cái bùng binh “giao lộ cổ tích” của bao thế hệ Sài Gòn. Tại địa điểm ấy, một mô hình đài sen phun nước mới được khánh thành đầu Tháng Mười Một, 2019, mà trên mạng xã hội nhiều người đã phản ứng: ban ngày nhìn giống bệ thờ, ban đêm thì giống... bếp ga. Có người đề nghị: “Làm ơn trồng lại mấy cây liễu!” Có nhà báo đăng bài khảo cứu công phu “‘Trả Lại Em Yêu’: Bùng Binh Cây Liễu.” (\*\*)

Nhìn những thân cây ở công viên được đánh số tôi lại chợt nhớ một đoạn trong bài thơ khác của Cao Tần – bài “Chỗ Giấu Kho Tàng”:

*“...Trong công viên xưa có chiếc ghế đá  
Giờ dầm mưa chiều hay tươi nắng mai?”*

*Ghế như ngà, bên hàng thông, em nhớ?  
Ta bên nhau trên đó những ngày vui”*

Những ngày vui của bao kẻ yêu nhau nơi công viên ghé đá hàng cây... mà cây Sài Gòn ngày xưa nếu phải đánh số thì trộm nghĩ vẫn vợ: khéo ông nhà thơ lại càng dễ đánh dấu “chỗ giấu kho tàng” ấy, kiểu như “Ghế như ngà, cây 53, em nhớ?” hay “Ta bên nhau, cây 9, những ngày vui”... Dám lắm!

“Kho tàng” là một biểu tượng trong thơ Cao Tần, được lập lại ở hai bài thơ “Chỗ Giấu Kho Tàng” (Tháng Ba, 1977) và “Kho Tàng” (Tháng Mười, 1977). Trong cái “kho tàng” ký ức đó – tài sản quặng thắt thương yêu của kẻ phải đành biệt xứ đó, cây cỏ quê nhà đã dự phần nâng đỡ hồn người, như một tri kỷ, như một chú em... Điều đó khiến tôi để ý đến thơ ông từ khi bắt gặp “Bông Giấy” dù đây chỉ là bài thơ vắn vẹn bốn câu mộc mạc. Nó khiến tôi tiếp tục tìm đọc ông – nhà thơ xuất hiện sớm nhất nổi bật nhất, mở đầu cho thời kỳ văn chương hải ngoại chất chứa những tâm tư thương nhà nhớ nước của người Việt tị nạn sau biến cố 1975, đặc biệt là những bài thơ Cao Tần sáng tác và xuất hiện đầy ấn tượng trong thời điểm 1977.

Năm 1977 tôi vừa bảy tuổi. Tuổi chưa biết nhớ một cái cây, chưa biết một cái cây có thể

trở thành người bạn, người thân của mình, chưa biết một cái cây có thể là nơi neo đậu của tâm hồn, báo hiệu một quê hương, vẽ ra một ngôi nhà, khơi nguồn một nỗi nhớ, in lại một chỉ dấu, lâu dài...

Bảy tuổi là tuổi con gái tôi hồi lớp Một chọn “The Giving Tree” làm cuốn sách trong buổi “presentation” và chỉ mới nhớ một cái cây như nhớ một chỗ ngồi chơi. Trong khi mẹ nó thì đã kịp ở cái tuổi biết một cái cây không chỉ là một cái cây. Một cái cây có khi là một “kho tàng” với những ai nhận ra nó trên mặt đất mênh mông khúc khuỷu đời mình. (**Thúy Hà**) [qd]

—  
*Chú thích:*

(\*) “*Tính Uy Mua và Nghệ Thuật Trong Thơ Cao Tàn,*” Đặng Tiến, *Văn Việt*  
(<http://vanviet.info/tu-lieu/tnh-uy-mua-v-nghe-thuat-trong-tho-cao-tan/>)

(\*\*) “*‘Trả Lại Em Yêu’: Bùng Binh Cây Liễu,*” Phúc Tiến, *Người Đô Thị*  
(<https://nguoidothi.net.vn/tra-lai-em-yeu-bung-binh-cay-lieu-19364.html>)

(Nguồn: Người Việt online)

## Thu Tứ

### Về bài thơ “Hát ngao trên tuyết” của Cao Tần

*Đến năm 1970, thơ Việt đã có ba bài hành xuất sắc: Bài hành đưa người của Thâm Tâm, Bài hành phương nam của Nguyễn Bính và Bài hành bốn mươi của Thanh Nam. Non mươi năm sau đó thì được thêm một bài nữa.*

*Cao Tần không gọi thi phẩm ấy của mình là "hành". Nhưng hẳn đa số người yêu thơ chỉ cần đọc qua cũng lập tức cảm thấy ngỡ ngàng, rồi nhanh chóng dứt khoát: "nó", chứ còn gì nữa.*

*Hành là thơ làm để hát. (1) Đây tác giả chẳng những đặt luôn tên bài thơ là hát, mà còn cần thận ghi rõ hát ngao.*

*Hát ca vốn vô số lối: lối chèo, lối tuồng, lối quan họ, lối cải lương, lối tân nhạc, lối tân tân nhạc... Vì lẽ gì Cao Tần đi chọn lối ngao?*

*Cách nay gần năm thế kỷ, trong một trong*

mấy bài phú nôh đầu tiên của văn học Việt Nam thấy có câu: "... thừa hứng nhàn đủng đỉnh, ngồi bên khe, nhịp miệng hát ngao".(2) Kể đủng đỉnh nhịp miệng thời xa xưa ấy không phải một trẻ chẵn trâu đang hồn nhiên véo von "sướng lắm chứ" đâu, mà là Nguyễn Hãh, ẩn sĩ đời Mạc, đang "ngao" thành lời cái tâm trạng nhiều uẩn khúc của mình.

Xem lại, hình như thứ thơ hành có hay chứa tâm trạng rắc rối.

Giữa Bài hành bốn mươi với Bài hành trên tuyết tuy chỉ có không tới mười năm, nhưng là mười năm đầy dâu bể. Nên mới có tráng sĩ Việt "khoác áo lông xù" bước trên mặt sông đã đông thành đá. Người "ngheh ngang" trên băng giống người "đón tuổi" ở chỗ cùng đã qua sông. Khác, vì người kia qua rồi yên phận, còn người này qua xong tuy có "khi bi ai: thân cỏ mọn bên đường", có lúc bước "những bước ngậm ngùi đi chẳng về đâu", nhưng rồi lại có "khi bốc lên: núi lưng trời cũng thấp".

Cái phận chưa chịu yên, đôi khi nó còn "hừ" thành tiếng trong thơ!

(Thu Tứ)

(1) Theo Đại từ điển tiếng Việt của Nguyễn Như Ý, nxb. VH-TT, VN, 1999.

(2) Xem Việt Nam văn học sử giản ước tân biên của Phạm Thế Ngũ.

### **Cao Tần, “Hát ngao trên tuyết”**

Khoác áo lông xù giả làm trắng sỡ  
Lên dòng sông đá bước nghênh ngang  
Cây gậy trúc trông sắc mùi vũ khí  
Múa tung bùng vào thình không giá băng

Khoái thay đời ta một đời quái đản  
Hai mươi năm xưa làm thằng nhỏ di cư  
Hai mươi năm sau thành nhà thơ di tản  
Một đời quê hương khét mùi súng đạn  
Một đời xót xa bằng hữu lao tù

Khoái thay chân ta những chân phiêu bạt  
Đi dọc quê hương, đi vòng địa cầu  
Đi thênh thang thử đời cao gió mát  
Đi ngất ngậy thương lúa vàng, hương cau  
Đi hội trùng phùng, đi chia tan tác  
Đi tràn hạnh phúc, đi ngập thương đau  
Đi sỏi đá mềm, bếp hồng trước mặt  
Đi bùng bão biển, quê hương phía sau  
Những bước thú hoang lạc rừng đất lạ  
Những bước ngậm ngùi đi chẳng về đâu

Sông không đầu đuôi sông màu đá cục  
Dưới trên lẫn lộn, trời đất mang mang  
Ta ngựa cổ làm thẳng khùng Bắc Cự  
Một mình cười cùng thình không giá băng

Khoái thay hồn ta một hồn dị thường  
Khi bốc lên: núi lưng trời cũng thấp  
Khi bi ai: thân cỏ mọc bên đường

Sông dài! Sông dài! Ta đi chẳng hết  
Thân trượng phu, hừ, mục trong áo com?  
Núi cao! Núi cao! Ta về không đến  
Chí trượng phu, hừ, chôn trong giá băng?

*văn hóa Việt Nam, văn học Việt Nam, văn  
hoà Việt Nam, văn học Việt Nam*

*Tháng 2 - 1978*

(Nguồn: Gocnhin.net)



## Lê Học Lãnh Vân

### Tình quê hương, tổ quốc qua hai bài thơ

Những năm đầu thập niên 80 thế kỷ trước, thơ Cao Tần ra đời gây tiếng vang hải ngoại lẫn quốc nội. Nhiều bài viết về thơ ông tạo nên một làn sóng hiện tượng trong văn chương hải ngoại, một số bài thơ được bình luận trên các trang báo chính thống trong nước thời đó, như các bài của bác sĩ Ngô Văn Quỹ chẳng hạn.

Cao Tần, xuất thân “Bắc kỳ di cư năm 1954”, viết văn khá sớm ký tên thật là Lê Tất Điều, nổi tiếng từ năm ông 24 tuổi (1966) với tác phẩm “Đêm Dài Một Đời”. Ông cũng là quân nhân trong chế độ VNCH. Năm 1975, khi Miền Nam thua trận, ông qua Mỹ sống. Bút danh Cao Tần chỉ xuất hiện ở Hoa Kỳ năm 1977 cùng với tập thơ mỏng: Thơ Cao Tần. Thông thường những người ra đi lúc đó cùng lúc mang hai nỗi buồn ám ảnh sâu đậm: thua cuộc và mất quê hương. Và với hoàn cảnh chính trị thời đó, người ra đi như thế không thể nghĩ tới một chuyến quay về!

Vậy mà tôi không thấy lòng hận thù trong những dòng thơ Cao Tàn.

Trong bài MAI MỐT ANH VỀ:

...

*Bài học lớn từ khi đến Mỹ  
Là ngày đêm thương nhớ nước mênh mang  
Thù hận bọn làm nước ông nghèo xí  
Hận gấp nghìn lần khi chúng đánh ông vắng  
Nếu mai một bổng đổi đời phen nữa  
Ông anh hùng ông cứu được quê hương  
Ông sẽ mở ra nghìn lò cải tạo  
Lùa cả nước vào học tập yêu thương  
Cuộc chiến cũ sẽ coi là tiền kiếp  
Phản động gì cũng chỉ sống trăm năm  
Bò bịch hết không đũa nào là ngụy  
Thắng vinh quang mà bại cũng anh hùng*

Bài này viết năm 1977. Hai năm sau khi thống nhất, dự trữ của Miền Nam bắt đầu cạn và dân chúng bắt đầu đói kém. Cao Tàn đứng từ xa, theo dõi quê nhà với lòng mong muốn tổ quốc sau chiến tranh sẽ giàu mạnh. Các chính sách ngược chiều phát triển như cải tạo công thương nghiệp, ngăn sông cấm chợ... khiến đất nước nghèo xuống rất nhanh. Nhiều người đau xót và tức giận. Cho mãi tới năm 1986 khi chính sách đổi mới được chấp nhận, nền kinh tế Việt Nam mới chính thức phát triển.

*Thù hận bọn làm nước ông nghèo xí*

Những người đã sống qua thời cuộc đó đọc câu thơ Cao Tần còn nghe rung niềm cảm xúc và thấu hiểu. Cho dù Cao Tần có hạ câu “*Hận gấp nghìn lần khi chúng đánh ông vắng*” thì câu này không mang ý hận thù mà chỉ là câu nói đuôi làm đậm ý câu trước. Với ông, chấp nhận buông súng thua trận nghĩa là cuộc chiến đã vĩnh viễn khép lại, không hận thù. Sống kiếp ly hương, ông chỉ mơ quê hương giàu mạnh, đồng bào no ấm.

Nếu sau khi thống nhất mà nước Việt Nam được như vậy, có thể Cao Tần đã là một trong những người nồng nhiệt hoan hô chính thể mới.

(Nguồn: Văn Việt)

**Bùi Vĩnh Phúc**

**Về Cao Tần và dòng văn chương  
“hoài cảm, nhớ nhà” của người Việt  
ngoài nước (1975-1995)**

Theo cách nhìn của tôi, ta có thể chia dòng văn chương ngoài nước ra làm sáu nhánh với những lưu lượng và nhịp chảy riêng khác nhau.

Nhánh thứ nhất tôi tạm gọi tên là *nhánh hoài cảm, nhớ nhà*. Nhánh thứ hai tạm gọi là *nhánh lên đường, chiến đấu*. Thứ ba là *nhánh thích nghi*. Thứ tư, *nhánh hội nhập*. Thứ năm, *nhánh tiếp cận, phê phán lịch sử, xã hội*, trình bày những mâu thuẫn bằng sự quan sát, ghi nhận khách quan, nhiều khi đượm màu sắc triết lý. Và cuối cùng, thứ sáu, là *nhánh duy cảm, duy nhiên*, có nhiều tính “vị nghệ thuật”, nghiêng về hướng triết lý sống... Tất cả những nhánh này, ở những mặt nào đó, lại gắn bó chia sẻ với nhau một số nét chung. Có những tác giả, trong cùng một giai đoạn hoặc trong những giai đoạn khác nhau của hành trình cầm bút, có thể ở vào những khuynh

hướng khác nhau. Ngay trong một tác phẩm, ta cũng có thể thấy sự thể hiện của những khuynh hướng khác nhau trong đó (nhất là trong một tuyển tập truyện ngắn chẳng hạn).

Nhưng, như đã nói, ta hãy cứ thử làm công việc phân nhánh như thế để định tính của những dòng này. Sự phân nhánh này, từ một góc độ khác, cũng cho thấy sức vận động và phát triển của dòng văn chương Việt ngoài nước trong thời gian hơn mười ba năm qua.

**Hoài cảm, nhớ nhà** chỉ là một cách gọi. Cách gọi này không mang trong nó một thái độ nhìn ngắm nào gắn gũi với sự mĩa mai, tiêu cực hay xem thường từ phía người khảo sát. Sở dĩ tôi nói lên điều đó vì, trong khuynh hướng này, tôi nhận ra có những đóng góp thật đẹp đẽ và hết sức sắc bén, nhạy cảm của nhiều nhà văn có tài năng và có đầy lòng yêu thương tha thiết với đất nước, quê nhà. Tôi xác định về thái độ nhìn ngắm trên của tôi với khuynh hướng văn chương này cũng chính là vì 7, 8 năm trước đây đã có một loạt bài trao đổi qua lại mang tính cách phê phán, đánh giá về một thể hiện của dòng văn chương này. Và hiện tại, vẫn có những người cho rằng dòng văn chương này có tính cách tiêu cực, đáng bị kết án.

Về chuyện 7, 8 năm trước, tôi muốn nhắc lại trường hợp thơ Cao Tân.

Thơ Cao Tân - được xếp loại chung với một số thơ của một, hai thi sĩ khác, trong một số bài báo xuất hiện khoảng năm 1980, 1981 của Thi Thi Văn Đạt - đã bị đánh giá là tiêu cực, không có tinh thần chiến đấu, mang đầy tính vô định hướng một cách mệt mỏi. Cao Tân đã trả lời những luận cứ này bằng một bài khá dài đăng trên báo *Sài Gòn Mới* (?). Với lời lẽ xác đáng, đầy lửa, nhưng lại chan chứa những tình cảm chân thật của một người cầm bút lưu vong, Cao Tân đã nói lên được một cách rất hùng hồn cái thái độ sáng tác và tham dự vào văn chương của mình. Tôi đã đọc bài này quá lâu nên chỉ nhớ đại ý của nó. Cao Tân cho rằng, văn chương, theo nghĩa thuần túy cũng như theo nghĩa phản ánh tâm tình của con người trước đời sống, thời cuộc, có thể được biểu hiện bằng nhiều cách. Nếu trong lịch sử, văn chương ta đã có những bài hịch hục lửa, kích thích tinh thần chiến đấu của dân Việt trong những giai đoạn quyết liệt nhất của đất nước, nó cũng có những bài tự thán, những bài mang tính chất phẫn hận. Và tất cả đều có những giá trị văn chương cũng như xã hội của chúng. Không phải lúc nào con người cũng phải chuẩn bị mình ở trong tư thế đề thét ra lửa. Người ta, có những lúc

cũng muốn ngồi im một chỗ, để lòng mình lắng lại mà nhớ về dĩ vãng, nhớ về những kỷ niệm đầm thắm của cuộc đời. Có khi người ta cũng muốn tự để chảy ra một dòng nước mắt. Để lau rửa đi những muộn phiền uất ức mà người ta đã bị đẩy vào thế phải gánh chịu. Không phải lúc nào cũng hùng hực biến đau thương thành hành động được. Nếu người ta còn là con người, người ta còn có những lúc tìm thấy ở trong rung động mình những xót xa, đau đớn mà cuộc đời đã mang lại cho người ta; người ta còn muốn gọi lại trong tâm hồn mình những hình ảnh êm ái, tha thiết cũ mà người ta đã bị thời gian và những cuộc đời đời cướp mất. Một con người yêu nước có lúc cầm súng chiến đấu, nhưng cũng có lúc ngồi thương nhớ vắn vơ về một giọt lá me bay ngơ ngẩn trên đường phố quê nhà một chiều mưa tạt... Tất cả những điều ấy không có gì là đáng để bị lên án, chối bỏ.

Tôi chia sẻ với Cao Tần những suy nghĩ đó, nhất là nếu đặt tập thơ của Cao Tần trong bối cảnh nó được viết ra (khoảng 1976-1977). Trong tâm trạng dao động, phần uất của một người Việt Nam bị đẩy bán ra khỏi quê hương trong một hoàn cảnh lịch sử bi thảm như vậy, Cao Tần đã phản ánh đúng cái tâm tình của một số lớn người Việt (ít ra là trong giai đoạn đó). Hơn thế nữa, thơ Cao Tần còn

có cái uất khí cao ngạo (mặc dù có lúc hoang mang, mệt mỏi), cái rung động đắm thắm trữ tình, cái phong vị thênh thang gió cuốn của chính cá tính người thơ. Bao trùm trên tất cả là cái đau đớn, cái xót xa, cái phần uất của một con người bị bứt ra khỏi quê hương. Sau khi dao động, nghiêng ngã, phần hận, con người sẽ thấy rằng thời gian sẽ cho nó những cơ hội để đứng vững hơn mà nhìn về phía trước. Dù sao, ngay cả khi đã đứng vững chãi, đã qua khỏi những cơn dao động để có những hành vi quyết liệt với kẻ thù, ai cấm người ta có những lúc tự vỗ về mình, ai cấm người ta có những lúc nhớ về vườn xưa, quê cũ, về những ngõ thu phong một thuở quê nhà, về những con đường xanh um bóng lá những chiều gió nổi, về những cánh lá me bay bay như những hạt cốm thơm trong bầu trời bích ngọc ngày xưa, về những cơn mưa ở quê nhà vẫn còn đắm ướt trí nhớ người ta những ngày lưu lạc... Những tình cảm ấy hết sức con người. Nó cho sự chiến đấu của ta một nhịp thư duỗi để ta có thể tiếp tục con đường đi tới. Trái tim con người không thể đập dồn mãi một nhịp trống trận. Con người không phải là một tập hợp những cơ động vô hồn của một người máy. Và ai dám chắc là những thương nhớ cần thiết kia không phải là một nhịp nghỉ để trái tim tiếp tục đập những



nhịp đập cần thiết, những nhịp đập lên đường của nó.

Tôi cho rằng khi mà còn có những con người Việt Nam lưu thân ngoài xứ sở thì những tình cảm thiết tha, đằm thắm hoặc đau xót, nhớ thương đất nước, quê nhà kia còn sẽ tiếp tục được nuôi dưỡng. Dĩ nhiên, sự rung động, sự thương nhớ có thể dần dần đi theo những nhịp độ và những cường độ khác, những màu sắc khác, nhưng nó sẽ còn mãi và tạo ra sự đau nhức đầy ta đứng dậy. Trong đất mềm ướt sương kia, tôi tin là đã ẩn chứa những mầm hạt lên đường, những mầm hạt làm bật lửa bình minh trên quê hương một ngày mai.

Trong khuynh hướng này, những bài viết đầu tiên trên đất Mỹ của Võ Phiến và Lê Tất Điều trên một số báo chí ngoài nước (*Hồn Việt, Văn Nghệ Tiền Phong...*), và sau đó được in thành sách, đã là những đóng góp hết sức đẹp đẽ. Những bài như "Một mùa xuân yên lành", "Chiếc chìa khóa"... của Võ Phiến, hay bài "Nếu bạn gặp một người di tản buồn" của Lê Tất Điều, và một số bài khác cũng của tác giả này trong tập *Ly hương* (in chung với Võ Phiến khoảng năm 1980), đã diễn tả một cách hết sức chân thực, và xót xa, và đầy nét nghệ thuật, cái tâm trạng nhớ nhà, nhớ nước quay quắt, thất lòng của người tỵ nạn.

Võ Đình, với tuyển tập *Xứ sâm sét*, và Nguyễn Bá Trạc, với tập *Ngọn cỏ bông*, cũng diễn tả được một nỗi nhớ nhà dằng dặc khôn khuây, đượm nét triết lý sâu sắc, với phong cách khác nhau của mỗi tác giả. Tác phẩm của những nhà văn này là những đóng góp đẹp cho dòng văn chương ngoài nước của chúng ta.

Tôi nghĩ tôi phải xin lỗi vì không thể kể hết tên những người viết của chúng ta trong khuynh hướng này. Danh sách quá dài khiến việc liệt kê có thể trở nên lộn tuộm. Dù sao, tôi muốn nói là, hầu hết, nếu không là tất cả, những người cầm bút Việt Nam ngoài nước, trong một giai đoạn nào đó của quá khứ, hoặc/và trong những khía cạnh nào đó của hiện tại, đều mang “căn bệnh” nhớ nhà, nhớ nước bất trị này. Ở một cường độ mãnh liệt hơn để đi đến thái độ quyết liệt, thái độ lên đường, chiến đấu, căn bệnh này được anh em *Nhân Văn* (đặc biệt Phan Tân Hải) gọi là “bệnh nước”. Nhưng người ta không nhất thiết phải luôn luôn ở trong tình trạng căng thẳng để có thể bút thoát, lên đường chiến đấu. Và lại, sự lên đường, sự chiến đấu có thể mang nhiều nghĩa khác nhau. Mỗi người có một vị trí riêng, một hoàn cảnh riêng để nghĩ và làm những điều tốt đẹp cho đất nước. Tôi

nghĩ nếu chúng ta không kéo những tình cảm thương nhớ này xuống mức độ sướt mướt, quy lụy, mệt mỏi, vô định hướng..., mà ta thể hiện chúng một cách sâu sắc, có cá tính và có nghệ thuật, khuynh hướng văn chương... tạm gọi là “hoài cảm, nhớ nhà” này có một giá trị riêng của nó trong ngọn triều chung của dòng văn học ngoài nước, khởi đi từ 30 tháng 4, 1975, ngoài quê nhà.

**Nguồn:** Trích “Một cách nhìn về 13 năm văn chương Việt ngoài nước (1975-1988)” (viết vào tháng 6.1988) trong *Lý luận và phê bình: Hai mươi năm văn học Việt ngoài nước (1975-1995)*, California: Văn Nghệ, 1996.

(Trích lại từ Talawas)

THƠ CAO TÀN, tập THƠ của CAO TÀN, là tác phẩm thứ 63 trong Tủ Sách Điện Tử T.Vấn & Bạn Hữu. Bản điện tử được phát hành miễn phí trên hệ thống toàn cầu của trang mạng văn học:

**T.Vấn & Bạn Hữu**  
(T-Van.Net).

*Bản Quyền thuộc về Tác giả  
và Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu*



